

[illegible]

(NGUYỄN VĂN HÂY)

MSSV: HV8067

TƯ TƯỞNG “LẤY DÂN LÀM GỐC” TRONG THIỀN TÔNG CHỈ NAM TỰ VÀ QUAN ĐIỂM TRỊ QUỐC CỦA TRẦN NHÂN TÔNG

Khóa luận cuối kỳ: môn Khóa Hư Lục

Giáo Sư hướng dẫn:

TT.TS. THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04/2010

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP. HCM



THÍCH MINH BẢO
(NGUYỄN VĂN HÂY)
MSSV: HV8067

**TƯ TƯỞNG “LẤY DÂN LÀM GỐC”
TRONG THIỀN TÔNG CHỈ NAM TỰ
VÀ QUAN ĐIỂM TRỊ QUỐC CỦA
TRẦN NHÂN TÔNG**

Khóa luận cuối kỳ: môn Khóa Hư Lục

Chuyên ngành: Lịch Sử Phật Giáo

Giáo Sư hướng dẫn:

TT.TS. THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04/2010

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bài nghiên cứu này do tôi làm. Trong quá trình làm bài không sao chép bất cứ công trình nghiên cứu của tác giả khác. Nếu có gì xảy ra tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04/2010

Thích Minh Bảo

[illegible]

LỜI TRI ÂN

Chúng con thành kính tri ân Giáo Thọ Sư, Người đã hướng dẫn cho chúng con trong quá trình thực hiện tiểu luận này.

Chúng con thành kính tri ân các vị Giáo Thọ ở Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đã dạy dỗ, động viên, khích lệ và giúp đỡ chúng con trong những tháng ngày tu học.

Xin cảm ơn những huynh đệ, đạo hữu học chung khóa VIII đã chia sẻ những kinh nghiệm học tập và cùng thảo luận để hoàn thành tiểu luận này.

Trong quá trình thực hiện tiểu luận chắc chắn có những điểm thiếu sót. Kính mong Giáo Thọ Sư hoan hỷ chỉ dạy thêm.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04/2010

Học viên: Thích Minh Bảo

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN

NHẬN XÉT CỦA GIÁO THỌ

LỜI TRI ÂN

MỤC LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	9
1. Lý do chọn đề tài:	1
2. Lịch sử nghiên cứu:	2
3. Mục tiêu nghiên cứu:.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:	4
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	4
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu:	5
6. Đóng góp của luận văn:	6
7. Cấu trúc của luận văn:	6
B. NỘI DUNG.....	7
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ TRẦN NHÂN TÔNG, KHÓA HƯ LỤC VÀ BỐI CẢNH RA ĐỜI LỜI KHUYÊN CỦA QUỐC SƯ PHÙ VÂN	7
1.1 Bối cảnh lịch sử và Phật giáo Đại Việt thời Trần.....	7
1.2 Khái quát cuộc đời Trần Thái Tông.....	8
1.3 Trần Thái Tông với việc nghiên cứu và thực hành Phật pháp	10
1.4 Sự nghiệp trước tác Phật giáo của Trần Thái Tông	11
1.5 Khái quát về tác phẩm <i>Khóa Hư Lục</i>	12
1.6 Hoàn cảnh Trần Thái Tông lên núi Yên Tử.....	14
1.7 Ý nghĩa bước đầu của cuộc gặp giữa Trần Thái Tông và Quốc sư Phù Vân	15
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH TƯ TƯỞNG TRONG LỜI KHUYÊN CỦA QUỐC SƯ PHÙ VÂN ĐỐI VỚI TRẦN NHÂN TÔNG	17
2.1. Nội dung và vị trí của lời khuyên trong <i>Thiền Tông Chỉ Nam Tự</i>	17
2.2 Ý nghĩa của khái niệm “tâm của thiên hạ”	18
2.2.1. “Thiên hạ” trong hoàn cảnh Đại Việt thời Trần.....	18

2.2.2. “ <i>Tâm của thiên hạ</i> ” là nỗi lo và nguyện vọng của nhân dân	18
2.2.3. “ <i>Tâm của thiên hạ</i> ” và tư tưởng lấy dân làm gốc	19
2.3 Ý nghĩa của tư tưởng “ <i>lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình</i> ”	20
2.3.1. <i>Đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân</i>	20
2.3.2. <i>Ý muốn của thiên hạ là cuộc sống hòa bình, ổn định và no đủ</i>	21
2.3.3. <i>Không đồng nhất “ý muốn của thiên hạ” với mọi mong muốn nhất thời</i> ..	21
2.3.4. <i>Quyền lực là trách nhiệm phụng sự</i>	22
2.4 Tinh thần từ bi trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân	22
2.4.1. <i>Từ bi là thấu hiểu và làm vơi bớt khổ đau</i>	22
2.4.2. <i>Từ bi của người lãnh đạo phải được thể hiện bằng chính sách và hành động</i>	23
2.4.3. <i>Từ bi gắn với trách nhiệm bảo vệ đất nước</i>	23
2.5 Tinh thần vô ngã và vị tha trong nghệ thuật lãnh đạo	24
2.5.1 <i>Vô ngã không phải là phủ nhận trách nhiệm cá nhân</i>	24
2.5.2. <i>Từ bỏ sự độc đoán của cái tôi</i>	24
2.5.3. <i>Vị tha là hành động vì lợi ích của người khác</i>	25
2.6. Tư tưởng bình đẳng và quan niệm “ <i>Phật ở trong lòng</i> ”	25
2.6.1. <i>Khả năng giác ngộ không phụ thuộc vào địa vị</i>	25
2.6.2. <i>Từ bình đẳng tâm linh đến trách nhiệm chính trị</i>	25
2.6.3. <i>Tu hành trong chính bốn phận hiện tại</i>	26
2.7. Sự kết hợp giữa từ bi và trí tuệ trong tư tưởng lãnh đạo	26
2.7.1. <i>Từ bi định hướng mục tiêu lãnh đạo</i>	26
2.7.2. <i>Trí tuệ lựa chọn phương thức phù hợp</i>	26
2.7.3. <i>Từ bi và trí tuệ phải hỗ trợ lẫn nhau</i>	27
2.8. Tinh thần nhập thế qua lời khuyên của Quốc sư Phù Vân	27
2.8.1. <i>Tu hành không phải là chạy trốn cuộc đời</i>	27
2.8.2. <i>Phụng sự nhân dân là một hình thức hành đạo</i>	27
2.8.3. <i>Không được sao nhãng việc nghiên cứu nội điển</i>	28
2.9. Bình luận về giá trị và giới hạn của lời khuyên.....	28
2.9.1. <i>Giá trị về phương diện đạo đức</i>	28
2.9.2. <i>Giá trị về phương diện chính trị</i>	28

2.9.3. <i>Giá trị về phương diện Phật học</i>	29
2.9.4. <i>Một số vấn đề cần nhìn nhận thận trọng</i>	29
2.10. <i>Ý nghĩa hiện thời của lời khuyên</i>	30
CHƯƠNG 3: SỰ THỰC HÀNH LỜI KHUYẾN VÀ QUAN ĐIỂM PHỤNG SỰ ĐẠO PHÁP – DÂN TỘC CỦA TRẦN THÁI TÔNG	31
3.1. <i>Từ sự trở về kinh thành đến lựa chọn nhập thế của Trần Thái Tông</i>	31
3.2. <i>Thực hành tư tưởng lấy dân làm gốc trong việc trị quốc và giáo hóa</i>	32
3.2.1. <i>Xem quyền lực là trách nhiệm đối với nhân dân</i>	32
3.2.2. <i>Chú trọng giáo dục đạo đức cho người kế vị</i>	33
3.2.3. <i>Gắn trị nước với việc tự tu dưỡng</i>	33
3.3. <i>Bảo vệ đất nước là bảo vệ đời sống của nhân dân</i>	34
3.3.1. <i>Chủ động chuẩn bị trước nguy cơ ngoại xâm</i>	34
3.3.2. <i>Trực tiếp cùng quân dân chống giặc</i>	35
3.3.3. <i>Chiến thắng nhằm khôi phục hòa bình</i>	35
3.3.4. <i>Tinh thần đoàn kết trong sự nghiệp giữ nước</i>	36
3.4. <i>Tinh thần khoan dung và ý thức chịu trách nhiệm của người lãnh đạo</i>	37
3.4.1. <i>Biết nhìn lại trách nhiệm của chính mình</i>	37
3.4.2. <i>Khoan dung không đồng nghĩa với buông lỏng kỷ cương</i>	37
3.4.3. <i>Lãnh đạo bằng sự cảm hóa</i>	38
3.5. <i>Truyền ngôi và thái độ đối với quyền lực</i>	38
3.5.1. <i>Chủ động chuẩn bị sự chuyển giao</i>	38
3.5.2. <i>Không tuyệt đối hóa ngai vàng</i>	39
3.5.3. <i>Quyền lực là phương tiện, không phải mục đích cuối cùng</i>	39
3.6. <i>Tiếp tục tu học và đóng góp cho Đạo pháp</i>	40
3.6.1. <i>Không sao nhãng việc nghiên cứu nội điển</i>	40
3.6.2. <i>Từ trải nghiệm cá nhân đến trước tác Phật giáo</i>	40
3.6.3. <i>Đóng góp cho sự phát triển của Phật giáo thời Trần</i>	41
3.7. <i>Sự thống nhất giữa phụng sự Đạo pháp và phụng sự Dân tộc</i>	42
3.7.1. <i>Phụng sự Dân tộc là thực hành tinh thần từ bi</i>	42
3.7.2. <i>Phụng sự Đạo pháp góp phần xây dựng nền tảng đạo đức của đất nước</i> ..	42
3.7.3. <i>Đạo pháp tồn tại trong lòng Dân tộc</i>	43

3.8. Đánh giá quan điểm phụng sự Đạo pháp – Dân tộc của Trần Thái Tông..	43
<i>3.8.1. Giá trị lịch sử</i>	<i>43</i>
<i>3.8.2. Giá trị tư tưởng và đạo đức</i>	<i>44</i>
<i>3.8.3. Giá trị đối với truyền thống Phật giáo Việt Nam</i>	<i>44</i>
<i>3.8.4. Một số giới hạn cần nhìn nhận</i>	<i>45</i>
3.9. Ý nghĩa đối với người học Phật và người lãnh đạo hiện nay	45
TỔNG KẾT	46

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. DẪN NHẬP

1. Lý do chọn đề tài:

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và từng bước hòa nhập sâu sắc vào đời sống văn hóa, tư tưởng và tinh thần của dân tộc. Trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, Phật giáo Việt Nam không chỉ hướng dẫn con người tu dưỡng đạo đức, chuyển hóa khổ đau mà còn tích cực đồng hành cùng dân tộc, góp phần ổn định xã hội, củng cố tinh thần đoàn kết và bảo vệ nền độc lập của đất nước.

Đặc biệt, dưới thời Trần, Phật giáo có sự phát triển mạnh mẽ và thể hiện rõ tinh thần nhập thế. Nhiều vị vua nhà Trần vừa là những nhà lãnh đạo chính trị tài năng, vừa là những người nghiên cứu và thực hành Phật pháp. Trong đó, Trần Thái Tông là một nhân vật tiêu biểu. Ông không chỉ là vị vua đầu tiên của triều Trần mà còn là một thiền gia, nhà tư tưởng và tác giả Phật giáo có nhiều đóng góp quan trọng đối với lịch sử tư tưởng và văn học Việt Nam.

Trong bài *Thiền Tông Chỉ Nam Tự* thuộc tác phẩm *Khóa Hư Lục*, Quốc sư Phù Vân đã khuyên Trần Thái Tông: “Phàm là đáng mình quân, bệ hạ hãy lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”. Lời khuyên này được đưa ra trong hoàn cảnh Trần Thái Tông rời bỏ kinh thành, lên núi Yên Tử tìm đường xuất gia sau những biến cố đau khổ trong đời sống cá nhân và triều chính.

Lời nói của Quốc sư Phù Vân không chỉ khuyên nhà vua trở về tiếp tục việc trị nước mà còn chứa đựng một tư tưởng chính trị và đạo đức sâu sắc. Đó là tư tưởng lấy dân làm gốc, đặt lợi ích của nhân dân và đất nước lên trên tình cảm, ý muốn cá nhân của người cầm quyền. Dưới góc độ Phật giáo, lời khuyên còn thể hiện tinh thần từ bi, vô ngã, vị tha và nhập thế, khẳng định rằng việc tu hành không nhất thiết phải tách khỏi cuộc đời mà có thể được thực hiện ngay trong quá trình phụng sự con người và xã hội.

Sau khi nghe lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, Trần Thái Tông đã trở về kinh thành, tiếp tục gánh vác trách nhiệm đối với đất nước. Trong thời gian trị vì, ông chăm lo việc nước, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ nền độc lập của Đại Việt, đồng thời không ngừng nghiên cứu và thực hành Phật pháp. Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông đã thể hiện sự kết hợp giữa trách nhiệm của một vị vua với lý tưởng

tu hành của một thiền gia, giữa việc phụng sự Đạo pháp và việc phụng sự Dân tộc.

Từ những ý nghĩa trên, người viết lựa chọn đề tài: **“Tư tưởng “lấy dân làm gốc trong thiền tông chỉ nam tự và quan điểm trị quốc của Trần Nhân Tông”** làm nội dung nghiên cứu cho bài tiểu luận. Thông qua đề tài, người viết mong muốn làm sáng tỏ giá trị tư tưởng của lời khuyên, đồng thời góp phần nhận thức rõ hơn tinh thần nhập thế và truyền thống đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu:

Trần Thái Tông là một nhân vật có vị trí quan trọng trong lịch sử dân tộc và lịch sử Phật giáo Việt Nam. Vì vậy, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và các tác phẩm của ông đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, lịch sử Phật giáo, văn học thời Lý – Trần và tư tưởng Thiền học Việt Nam.

Trước hết, các công trình nghiên cứu lịch sử thường tiếp cận Trần Thái Tông với tư cách là vị vua mở đầu triều Trần. Những công trình này chủ yếu trình bày hoàn cảnh ông lên ngôi, quá trình xây dựng và củng cố vương triều, tổ chức bộ máy nhà nước, chăm lo đời sống nhân dân và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ nhất. Qua đó, Trần Thái Tông được đánh giá là một vị vua có vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng cho sự phát triển hưng thịnh của nhà Trần.

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam và Phật giáo thời Trần thường xem Trần Thái Tông là một thiền gia, nhà tư tưởng và tác giả Phật giáo tiêu biểu. Các tác phẩm như *Thiền Tông Chỉ Nam Tự*, *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi* và *Khóa Hư Lục* được nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ tư tưởng về bản tâm, vô thường, sám hối, tu tập và giải thoát của ông. Nhiều nghiên cứu cũng khẳng định Trần Thái Tông là người góp phần đặt nền móng tư tưởng cho sự hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần.

Ở phương diện văn học, các tác phẩm của Trần Thái Tông được khảo sát về nội dung tư tưởng, ngôn ngữ, nghệ thuật biểu đạt và giá trị đối với tiến trình văn học trung đại Việt Nam. *Khóa Hư Lục* không chỉ được xem là một tác phẩm Phật học mà còn là một tác phẩm văn học có giá trị, thể hiện những trải nghiệm sâu sắc của tác giả về con người, cuộc đời và con đường tu tập.

Ngoài ra, lời khuyên của Quốc sư Phù Vân dành cho Trần Thái Tông cũng đã được đề cập khi các nhà nghiên cứu phân tích sự kiện nhà vua lên núi Yên Tử. Phần

lớn các nhận định đều nhấn mạnh tư tưởng “Phật tại tâm”, tinh thần nhập thế của Phật giáo và trách nhiệm của người đứng đầu đất nước đối với nhân dân. Lời khuyên “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” thường được xem là cơ sở giúp Trần Thái Tông dung hòa giữa việc tu hành và việc trị nước.

Tuy nhiên, việc phân tích một cách tập trung lời khuyên trên để làm rõ mối quan hệ giữa tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật lãnh đạo và quan điểm phụng sự Đạo pháp – Dân tộc của Trần Thái Tông vẫn cần được tiếp tục hệ thống hóa. Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có, bài tiểu luận tập trung phân tích nội dung tư tưởng của lời khuyên, sự tiếp nhận và thực hành lời khuyên ấy trong cuộc đời Trần Thái Tông, qua đó làm nổi bật tinh thần nhập thế của Phật giáo thời Trần.

3. Mục tiêu nghiên cứu:

Bài tiểu luận hướng đến mục tiêu làm sáng tỏ nội dung và giá trị tư tưởng trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân đối với Trần Thái Tông: “Phàm là đáng minh quân, bề hạ hãy lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”.

Để thực hiện mục tiêu chung đó, bài tiểu luận tập trung vào những mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, trình bày hoàn cảnh lịch sử và tâm lý dẫn đến việc Trần Thái Tông rời kinh thành, lên núi Yên Tử tìm gặp Quốc sư Phù Vân.

Thứ hai, phân tích ý nghĩa của các nội dung “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình” và “lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” dưới góc độ chính trị, đạo đức và tư tưởng Phật giáo.

Thứ ba, làm rõ sự kết hợp giữa tinh thần từ bi, vô ngã, vị tha của Phật giáo với quan niệm lấy dân làm gốc trong hoạt động trị nước.

Thứ tư, khảo sát việc Trần Thái Tông tiếp nhận và vận dụng lời khuyên của Quốc sư Phù Vân trong quá trình trị quốc, an dân, bảo vệ đất nước và nghiên cứu, thực hành Phật pháp.

Thứ năm, qua cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông, làm rõ quan điểm phụng sự Đạo pháp gắn liền với phụng sự Dân tộc của Phật giáo Đại Việt thời Trần.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của bài tiểu luận là nội dung tư tưởng trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân đối với Trần Thái Tông được ghi lại trong bài *Thiên Tông Chỉ Nam Tự* thuộc tác phẩm *Khóa Hư Lục*.

Bên cạnh đó, bài viết còn nghiên cứu sự tiếp nhận và vận dụng lời khuyên ấy trong tư tưởng, hoạt động trị nước, đời sống tu tập và sự nghiệp trước tác của Trần Thái Tông.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, bài tiểu luận tập trung phân tích ba vấn đề chính: tư tưởng lấy dân làm gốc; sự vận dụng tinh thần từ bi, vô ngã và vị tha của Phật giáo vào hoạt động lãnh đạo; sự kết hợp giữa trách nhiệm đối với Đạo pháp và trách nhiệm đối với Dân

tộc.

Về tư liệu, bài viết chủ yếu dựa trên nội dung bài *Thiền Tông Chỉ Nam Tự* trong *Khóa Hư Lục*, kết hợp tham khảo các tài liệu liên quan đến cuộc đời Trần Thái Tông, Phật giáo thời Trần và lịch sử Đại Việt.

Về thời gian, bài tiểu luận tập trung vào giai đoạn Trần Thái Tông trị vì và giữ vai trò Thái thượng hoàng, đặc biệt là những sự kiện có liên quan trực tiếp đến việc nhà vua lên núi Yên Tử, trở về kinh thành, thực hiện trách nhiệm trị nước và nghiên cứu Phật học.

Bài viết không đi sâu khảo sát toàn bộ hệ thống tư tưởng Phật học của Trần Thái Tông hoặc toàn bộ lịch sử triều Trần, mà chỉ sử dụng những nội dung có liên quan trực tiếp đến lời khuyên của Quốc sư Phù Vân và quan điểm phụng sự Đạo pháp – Dân tộc.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện đề tài, bài tiểu luận sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích văn bản: được sử dụng để phân tích các khái niệm, nội dung và ý nghĩa trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, đặc biệt là các cụm từ “tâm của thiên hạ” và “ý muốn của thiên hạ”.

Phương pháp lịch sử: được sử dụng để tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của lời khuyên, những biến cố trong cuộc đời Trần Thái Tông và bối cảnh chính trị, xã hội, Phật giáo của Đại Việt thời Trần.

Phương pháp tổng hợp: được vận dụng để liên kết các tư liệu lịch sử, tư tưởng Phật giáo và hoạt động thực tiễn của Trần Thái Tông, từ đó đưa ra những nhận định khái quát về quan điểm phụng sự Đạo pháp và Dân tộc.

Phương pháp đối chiếu: được sử dụng để đối chiếu giữa lời dạy của Quốc sư Phù Vân với hành động trị nước, an dân, chống ngoại xâm, tu tập và sáng tác của Trần Thái Tông.

Phương pháp bình luận và đánh giá: được sử dụng nhằm xác định giá trị chính trị, đạo đức, tôn giáo và ý nghĩa hiện đại của lời khuyên đối với người lãnh đạo cũng như đối với người học Phật ngày nay.

Việc kết hợp các phương pháp trên giúp bài tiểu luận vừa bảo đảm tính lịch sử, vừa làm rõ chiều sâu tư tưởng Phật học và ý nghĩa thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

6. Đóng góp của luận văn:

Bài tiểu luận góp phần hệ thống hóa hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của lời khuyên do Quốc sư Phù Vân dành cho Trần Thái Tông trong bài *Thiền Tông Chỉ Nam Tự*.

Thông qua việc phân tích hai nội dung “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình” và “lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”, bài viết làm rõ sự kết hợp giữa tư tưởng lấy dân làm gốc của người lãnh đạo với tinh thần từ bi, vô ngã và vị tha của Phật giáo.

Bài tiểu luận cũng góp phần chỉ ra rằng việc Quốc sư Phù Vân khuyên Trần Thái Tông trở về kinh thành không phải là sự phủ nhận lý tưởng tu hành. Trái lại, đó là sự định hướng cho nhà vua thực hành Phật pháp ngay trong trách nhiệm trị nước và phụng sự nhân dân. Qua đó, việc trị quốc, an dân và bảo vệ đất nước trở thành một hình thức nhập thế và hành đạo.

Ngoài ra, bài viết góp phần làm nổi bật hình ảnh Trần Thái Tông là một vị vua – thiền gia tiêu biểu, biết kết hợp trách nhiệm chính trị với sự tu dưỡng tâm linh, đặt lợi ích của đất nước và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Từ kết quả nghiên cứu, bài tiểu luận khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng phụng sự Đạo pháp gắn liền với phụng sự Dân tộc. Đây không chỉ là đặc điểm nổi bật của Phật giáo thời Trần mà còn là bài học có ý nghĩa đối với người lãnh đạo, Tăng Ni, Phật tử và thế hệ trẻ trong xã hội hiện nay.

7. Cấu trúc của luận văn:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1. Khái quát về Trần Thái Tông, *Khóa Hư Lục* và bối cảnh ra đời lời khuyên của Quốc sư Phù Vân

Chương 2. Phân tích tư tưởng trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân đối với Trần Thái Tông

Chương 3. Sự thực hành lời khuyên và quan điểm phụng sự Đạo pháp – Dân tộc của Trần Thái Tông

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ TRẦN NHÂN TÔNG, KHÓA HƯ LỤC VÀ BỐI CẢNH RA ĐỜI LỜI KHUYÊN CỦA QUỐC SƯ PHÙ VÂN

1.1 Bối cảnh lịch sử và Phật giáo Đại Việt thời Trần

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và từng bước hòa nhập vào đời sống văn hóa, tư tưởng cũng như tín ngưỡng của dân tộc. Trong quá trình tồn tại và phát triển, Phật giáo Việt Nam không chỉ hướng con người đến đời sống đạo đức, giải thoát khổ đau mà còn đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Những giá trị căn bản của Phật giáo như từ bi, vô ngã, vị tha, bình đẳng và trí tuệ đã góp phần hình thành một nền văn hóa nhân bản, khoan dung và giàu tinh thần cộng đồng.

Đến thời Lý – Trần, Phật giáo có điều kiện phát triển mạnh mẽ và giữ vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, văn hóa và xã hội. Nhiều thiền sư không chỉ thực hành và truyền bá giáo lý mà còn tham gia cố vấn cho triều đình, đóng góp vào việc xây dựng chính sách trị nước và giáo hóa nhân dân. Phật giáo trong giai đoạn này không tách rời đời sống thực tế mà thể hiện rõ tinh thần nhập thế, gắn việc tu hành với trách nhiệm đối với đất nước và con người.¹

Triều Trần được thành lập trong bối cảnh đất nước vừa trải qua những biến động lớn về chính trị và xã hội. Nhà Lý suy yếu, quyền lực trong triều đình dần chuyển sang tay họ Trần. Năm 1225, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, mở đầu triều đại nhà Trần. Trần Cảnh lên ngôi khi tuổi đời còn nhỏ, lấy hiệu là Trần Thái Tông.

Trong những năm đầu thành lập, triều Trần phải đối diện với nhiều khó khăn. Bộ máy chính quyền cần được củng cố, đời sống nhân dân cần được ổn định, các mâu thuẫn trong hoàng tộc phải được giải quyết và nguy cơ ngoại xâm luôn đe dọa đất nước. Trước những yêu cầu đó, những người đứng đầu triều đại phải vừa xây dựng nền tảng chính trị vững chắc, vừa tạo được sự đồng thuận trong nhân dân.

Phật giáo thời Trần đã góp phần quan trọng vào quá trình này. Tinh thần hòa hợp, từ bi và vô ngã của Phật giáo giúp định hướng người lãnh đạo biết tiết chế lợi

¹ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1994, Chương IX: “Nền tảng của Phật giáo đời Trần – Thiền phái Yên Tử”, tr. 254–270.

ích cá nhân, đặt quyền lợi của quốc gia và nhân dân lên trên. Đối với các vị vua nhà Trần, việc nghiên cứu Phật pháp không đối lập với nhiệm vụ trị nước. Ngược lại, sự tu dưỡng nội tâm được xem là nền tảng để thực hiện tốt trách nhiệm chính trị.

Trần Thái Tông là một trong những nhân vật tiêu biểu nhất cho sự kết hợp giữa Đạo pháp và Dân tộc trong thời kỳ này. Cuộc đời ông vừa gắn với những biến động của triều chính, vừa gắn với quá trình tìm hiểu, thực hành và trước tác về Phật giáo. Những trải nghiệm trong đời sống cá nhân và trách nhiệm đối với đất nước đã tạo nên chiều sâu trong tư tưởng của ông.

1.2 Khái quát cuộc đời Trần Thái Tông

Trần Thái Tông tên thật là Trần Cảnh, sinh năm 1218. Ông là con của Trần Thừa và thuộc dòng họ Trần có thế lực lớn vào cuối thời Lý. Khi còn nhỏ, Trần Cảnh được đưa vào cung làm nhiệm vụ hầu cận Lý Chiêu Hoàng. Dưới sự sắp đặt của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng kết duyên với Trần Cảnh và sau đó nhường ngôi cho ông.²

Việc Trần Cảnh lên ngôi đánh dấu sự chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần. Tuy nhiên, do nhà vua còn nhỏ tuổi, phần lớn công việc trong triều đình ban đầu do Trần Thủ Độ điều hành. Với vai trò là người tổ chức và củng cố triều đại mới, Trần Thủ Độ đã thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt nhằm bảo đảm sự tồn tại của nhà Trần. Một số quyết định của ông đã gây nên những biến cố nghiêm trọng trong đời sống gia đình của Trần Thái Tông.

Trần Thái Tông được đánh giá là người có tính tình khoan hậu, có ý thức trách nhiệm và quan tâm đến việc tu dưỡng đạo đức. Từ khi còn trẻ, ông đã phải đứng trước những mâu thuẫn giữa tình cảm cá nhân, đạo lý gia đình và trách nhiệm của một vị vua. Chính những mâu thuẫn đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của ông.

Một trong những biến cố lớn nhất trong cuộc đời Trần Thái Tông là việc Trần Thủ Độ ép nhà vua lấy Thuận Thiên công chúa, lúc đó đang là vợ của Trần Liễu và đã mang thai, nhằm bảo đảm người nối dõi cho triều đình. Sự việc này khiến Trần Liễu nổi dậy chống lại triều đình và làm cho Trần Thái Tông rơi vào trạng thái đau khổ, bế tắc.³

Không thể tự giải quyết những giằng co trong lòng, Trần Thái Tông đã rời kinh thành, lên núi Yên Tử với ý định xuất gia. Hành động này cho thấy nhà vua không

² Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, Bản kỷ toàn thư, quyển V, Kỷ Trần Thái Tông, tờ 1a–2a.

³ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., Chương X: “Trần Thái Tông (1218–1277)”, mục “Tuổi trẻ và chí nguyện học đạo”, tr. 275–278.

tham đắm tuyệt đối vào quyền lực và ngai vàng. Trong hoàn cảnh ấy, ông mong muốn tìm đến Phật pháp như một con đường giải thoát khỏi những đau khổ và mâu thuẫn của đời sống thế tục.⁴

Tuy nhiên, chuyển đi lên Yên Tử không dẫn đến việc Trần Thái Tông từ bỏ hoàn toàn trách nhiệm chính trị. Qua cuộc gặp gỡ và lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, nhà vua nhận ra rằng sự tu hành chân chính không nhất thiết phải rời bỏ cuộc đời. Đối với một vị vua, việc chăm lo cho đất nước và nhân dân cũng có thể trở thành một phương diện của con đường hành đạo.

Sau khi trở về kinh thành, Trần Thái Tông tiếp tục đảm nhận trọng trách trị nước. Trong thời gian tại vị, ông cùng triều đình từng bước ổn định chính quyền, chăm lo đời sống nhân dân và xây dựng nền tảng cho sự phát triển của nhà Trần.

Khi quân Nguyên – Mông tiến vào Đại Việt, Trần Thái Tông cùng triều đình và quân dân tổ chức kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của nhà vua, sự hỗ trợ của Trần Thủ Độ, Lê Phụ Trần và nhiều tướng lĩnh, quân dân Đại Việt đã đẩy lùi cuộc xâm lược lần thứ nhất vào năm 1258. Chiến thắng này góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc và củng cố vị thế của triều Trần.⁵

Sau khi đất nước được ổn định, Trần Thái Tông truyền ngôi cho con là Trần Hoảng, tức vua Trần Thánh Tông, và giữ vai trò Thái thượng hoàng.⁶ Việc truyền ngôi tương đối sớm thể hiện cách thức chuyển giao quyền lực đặc trưng của nhà Trần, đồng thời cho thấy Trần Thái Tông không quá chấp trước vào địa vị. Trong thời gian làm Thái thượng hoàng, ông tiếp tục hỗ trợ nhà vua trẻ giải quyết việc nước và dành nhiều thời gian hơn cho việc nghiên cứu Phật học, tu thiền và sáng tác.

Cuộc đời Trần Thái Tông vì vậy có thể được nhìn nhận trên hai phương diện. Ở phương diện thế tục, ông là người có vai trò quan trọng trong việc xây dựng triều Trần và bảo vệ đất nước. Ở phương diện tâm linh, ông là một người luôn thao thức trước những vấn đề về khổ đau, vô thường, đạo đức và giải thoát. Hai phương diện ấy không tách rời mà bổ sung cho nhau, tạo nên hình ảnh một vị vua đồng thời là một thiền gia.

⁴ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chi Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, 1996, tr. 14–16; xem thêm Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., tr. 275–280.

⁵ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd., tr. 173–174.

⁶ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd., tr. 174–175.

1.3 Trần Thái Tông với việc nghiên cứu và thực hành Phật pháp

Mặc dù đảm nhận nhiều công việc triều chính, Trần Thái Tông luôn quan tâm đến việc nghiên cứu kinh điển và thực hành Phật pháp. Sau khi trở về từ núi Yên Tử, ông không từ bỏ chí nguyện tu hành mà chuyển sang một cách thực hành phù hợp hơn với trách nhiệm của mình.

Ngoài thời gian giải quyết việc nước, Trần Thái Tông thường nghiên cứu kinh điển, tham vấn các bậc cao tăng và tổ chức những cuộc trao đổi về Thiền học. Ông tiếp cận Phật pháp không chỉ bằng việc học hỏi lý thuyết mà còn thông qua những trải nghiệm thực tế của chính cuộc đời mình.⁷

Những đau khổ trong đời sống cá nhân giúp Trần Thái Tông nhận thức sâu sắc hơn về tính vô thường của con người và thế giới. Ngai vàng, quyền lực, tình cảm gia đình và danh vọng đều không tồn tại vĩnh viễn. Con người dù ở địa vị cao hay thấp cũng phải đối diện với sinh, già, bệnh, chết và những biến đổi không ngừng của cuộc sống.

Từ nhận thức ấy, Trần Thái Tông không xem tu hành là phương tiện trốn tránh hiện thực. Tu hành trước hết là quá trình quay về soi xét nội tâm, nhận diện những tham muốn, sân hận và mê lầm của chính mình. Khi tâm được chuyển hóa, con người có thể sống giữa cuộc đời mà không bị hoàn cảnh chi phối hoàn toàn.

Quan điểm này được thể hiện rõ qua lời của Quốc sư Phù Vân: “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng”. Đức Phật không phải là một đối tượng ở bên ngoài mà con người chỉ có thể tìm thấy khi rời bỏ xã hội. Phật tính hiện diện trong mỗi con người và được nhận ra thông qua quá trình tu dưỡng, tỉnh thức và chuyển hóa tâm thức.

Đối với Trần Thái Tông, việc làm vua không nhất thiết là chướng ngại đối với sự tu hành. Vấn đề quan trọng nằm ở cách sử dụng quyền lực. Nếu quyền lực được sử dụng để thỏa mãn tham vọng cá nhân thì nó có thể trở thành nguyên nhân tạo nên khổ đau. Ngược lại, nếu quyền lực được dùng để chăm lo cho nhân dân, bảo vệ đất nước và xây dựng xã hội thì việc trị nước cũng có thể trở thành một hình thức thực hành hạnh từ bi.

Sự kết hợp giữa việc trị nước và tu hành giúp tư tưởng của Trần Thái Tông mang đậm tinh thần nhập thế. Ông không chủ trương tách Phật giáo ra khỏi cuộc sống

⁷ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18; Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 34–35.

mà nhấn mạnh việc thực hành đạo ngay trong hoàn cảnh thực tế. Con người không cần phải chờ đến khi rời bỏ gia đình, chức vụ hoặc trách nhiệm xã hội mới có thể tu tập. Mỗi người có thể tu ngay trong công việc và bổn phận của mình.

Trần Thái Tông cũng đặc biệt chú trọng đến việc sám hối và tự hoàn thiện đạo đức. Sám hối không chỉ là nghi lễ cầu xin sự tha thứ mà còn là quá trình nhìn nhận lỗi lầm, nhận thức nguyên nhân của hành vi bất thiện và quyết tâm sửa đổi. Quan niệm này thể hiện tinh thần tự chịu trách nhiệm của con người đối với suy nghĩ, lời nói và hành động của mình.

Trong tư tưởng của Trần Thái Tông, trí tuệ phải đi đôi với từ bi. Trí tuệ giúp con người nhận ra bản chất vô thường và không cố định của mọi sự vật; từ bi giúp con người biết cảm thông và chia sẻ với nỗi đau của chúng sinh. Đối với người lãnh đạo, hai phẩm chất này càng trở nên cần thiết. Một vị vua có trí tuệ nhưng thiếu lòng thương dân có thể trở nên khắc nghiệt; ngược lại, có lòng thương dân nhưng thiếu trí tuệ thì khó đưa ra những quyết định đúng đắn.

Qua việc nghiên cứu và thực hành Phật pháp, Trần Thái Tông từng bước xây dựng một quan niệm tu hành gắn với đời sống xã hội. Đây cũng là một trong những cơ sở tư tưởng quan trọng góp phần vào sự phát triển của Phật giáo thời Trần và sự hình thành tinh thần “cư trần hành đạo” của Thiền phái Trúc Lâm về sau.⁸

1.4 Sự nghiệp trước tác Phật giáo của Trần Thái Tông

Trần Thái Tông không chỉ nghiên cứu và thực hành Phật pháp mà còn để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Theo những tư liệu được ghi nhận, các sáng tác của ông gồm những tác phẩm liên quan đến Thiền học, kinh điển Đại thừa, nghi thức sám hối và thơ văn.

Một số tác phẩm thường được nhắc đến gồm:

- *Thiền Tông Chỉ Nam*;
- *Kim Cương Tam Muội Kinh Chú Giải*;
- *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi*;
- *Bình Đẳng Lễ Sám Văn*;
- *Khóa Hư Lục*;
- Các sáng tác thơ văn khác.⁹

⁸ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., Chương IX, tr. 254–270; Chương X, tr. 275–315.

⁹ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., Chương X: “Trần Thái Tông (1218–1277)”, phần khảo sát sự nghiệp học Phật và trước tác, tr. 285–295.

Tuy không phải toàn bộ tác phẩm đều còn được bảo tồn nguyên vẹn, những phần còn lại vẫn cho thấy Trần Thái Tông có kiến thức sâu rộng về Phật học. Ông nghiên cứu nhiều hệ thống kinh điển và vận dụng giáo lý vào việc lý giải các vấn đề thực tế của con người.

Các sáng tác của Trần Thái Tông không chỉ trình bày giáo lý bằng những khái niệm trừu tượng. Nội dung tác phẩm còn phản ánh những trải nghiệm đau khổ, sự chiêm nghiệm về cuộc đời và quá trình tự chuyển hóa của tác giả. Vì vậy, lời văn của ông thường vừa có tính triết lý, vừa có sức lay động tình cảm.¹⁰

Một trong những chủ đề nổi bật trong các tác phẩm của Trần Thái Tông là tính vô thường của thân người. Con người thường chấp thân thể, danh vọng và tài sản là bền vững, từ đó phát sinh tham ái và tạo nghiệp. Nhận thức về vô thường không nhằm khiến con người bi quan, mà giúp con người biết trân trọng hiện tại, sống có trách nhiệm và không quá đắm chìm vào những giá trị tạm thời.

Một chủ đề khác là sự cần thiết của việc phản tỉnh và sám hối. Theo Trần Thái Tông, con người do vô minh nên tạo ra nhiều hành vi bất thiện. Muốn chuyển hóa khổ đau, mỗi người phải thành thật nhìn lại chính mình, nhận biết lỗi lầm và từng bước thay đổi thân, khẩu, ý.

Tác phẩm của ông cũng thể hiện quan niệm bình đẳng của Phật giáo. Mọi người đều có khả năng giác ngộ nếu biết quay về tu sửa tâm mình. Sự khác biệt về địa vị xã hội không quyết định hoàn toàn giá trị tâm linh của một con người. Vua, quan hay người bình thường đều phải tự chịu trách nhiệm đối với nghiệp do mình tạo ra.

Những tư tưởng ấy góp phần tạo nên giá trị đặc biệt trong trước tác của Trần Thái Tông. Ông viết Phật học từ vị trí của một người vừa trải qua nhiều biến cố, vừa trực tiếp gánh vác trách nhiệm đối với quốc gia. Do đó, tư tưởng của ông không hoàn toàn xa rời thực tiễn mà gắn chặt với những vấn đề của con người và xã hội.

1. 5 Khái quát về tác phẩm *Khóa Hư Lục*

Khóa Hư Lục là tác phẩm tiêu biểu gắn với tên tuổi Trần Thái Tông. Tác phẩm tập hợp nhiều bài viết liên quan đến giáo lý, nghi thức tu tập, sám hối và những suy tư về thân phận con người.¹¹

Tên gọi “*Khóa Hư*” gợi lên ý nghĩa tu tập để nhận thức tính hư huyễn, vô

¹⁰ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sđd., tr. 295–315.

¹¹ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sđd., Chương X, các mục nghiên cứu về *Khóa Hư Lục*, tr. 295–315.

thường của mọi hiện tượng. “Khóa” có thể được hiểu là khóa lễ hoặc sự thực hành có quy củ; “hư” chỉ tính không bền chắc, giả hợp của đời sống thế gian. Từ đó, *Khóa Hư Lục* hướng người đọc đến việc nhận diện bản chất vô thường của thân và cảnh, giảm bớt sự chấp trước và quay về tu dưỡng nội tâm.

Nội dung tác phẩm đề cập đến nhiều vấn đề căn bản của Phật giáo như vô thường, khổ, nghiệp, sám hối, tu tâm và giải thoát. Tuy nhiên, những vấn đề ấy không được trình bày một cách thuần túy lý thuyết. Trần Thái Tông thường sử dụng những hình ảnh cụ thể, lời văn tha thiết và cách lập luận gần gũi để cảnh tỉnh người đọc.¹²

Tác phẩm cho thấy tác giả ý thức sâu sắc rằng thân người là tạm bợ và cuộc đời biến đổi không ngừng. Con người vì không nhận thức được điều đó nên thường chạy theo danh lợi, sắc dục và quyền lực. Đến khi già yếu hoặc đứng trước cái chết, con người mới nhận ra những gì mình từng đắm chìm đều không thể giữ lại.

Từ nhận thức về vô thường, Trần Thái Tông khuyên con người không nên phung phí thời gian. Mỗi người cần sớm quay về thực hành điều thiện, sửa đổi lỗi lầm và tìm hiểu bản tâm. Sự tu tập phải được thực hiện ngay trong đời sống hiện tại chứ không nên chờ đợi một thời điểm khác.

Một nội dung quan trọng khác của *Khóa Hư Lục* là tư tưởng sám hối. Trần Thái Tông nhận thấy con người trong quá trình sống thường tạo nghiệp qua thân, lời nói và ý nghĩ. Sám hối giúp con người nhận biết những hành động sai lầm và phát nguyện không tiếp tục lặp lại. Vì thế, sám hối vừa mang ý nghĩa tôn giáo, vừa có giá trị đạo đức và giáo dục.

Về phương diện văn học, *Khóa Hư Lục* có sự kết hợp giữa văn xuôi, văn biên ngẫu, kệ và những hình thức biểu đạt giàu nhạc tính. Lời văn trang trọng nhưng vẫn giàu cảm xúc, thể hiện sự trải nghiệm trực tiếp của tác giả. Tác phẩm không chỉ có giá trị đối với lịch sử Phật giáo mà còn đóng góp vào sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam.

Trong hệ thống các bài viết thuộc *Khóa Hư Lục*, *Thiền Tông Chỉ Nam Tự* giữ vị trí đặc biệt vì chứa đựng những thông tin quan trọng về quá trình Trần Thái Tông tìm đến Phật pháp. Bài tựa kể lại việc nhà vua rời kinh thành lên Yên Tử, cuộc gặp với Quốc sư Phù Vân và lời khuyên đã làm thay đổi nhận thức của ông.¹³

¹² Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, 1996, phần giảng về các bài *Phổ Thuyết Sắc Thân*, *Tứ Sơn*, *Khuyến Phát Tâm Văn* và *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi*; xem thêm Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., tr. 295–315.

¹³ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 13–19.

Thông qua câu chuyện này, người đọc có thể thấy được nguồn gốc của quan niệm kết hợp giữa tu hành và trị nước trong tư tưởng Trần Thái Tông. Đây cũng là cơ sở để phân tích tinh thần phụng sự Đạo pháp và Dân tộc của ông.

1.6 Hoàn cảnh Trần Thái Tông lên núi Yên Tử

Việc Trần Thái Tông lên núi Yên Tử diễn ra trong hoàn cảnh nhà vua đang trải qua khủng hoảng sâu sắc trong đời sống cá nhân. Những sự sắp đặt của Trần Thủ Độ nhằm duy trì và củng cố triều đại đã tạo ra xung đột nghiêm trọng giữa các thành viên trong hoàng tộc.

Trần Thái Tông không đồng tình với việc phải rời bỏ Lý Chiêu Hoàng để lấy Thuận Thiên công chúa. Quyết định ấy không chỉ làm tổn thương tình cảm cá nhân mà còn gây nên sự bất hòa giữa ông với người anh là Trần Liễu. Trước hoàn cảnh đó, nhà vua cảm thấy không thể dung hòa giữa đạo lý gia đình và trách nhiệm đối với triều đình.

Trong trạng thái đau khổ và bế tắc, Trần Thái Tông bí mật rời kinh thành vào ban đêm, tìm đường lên núi Yên Tử. Nhà vua muốn đến nơi thanh vắng để cầu Phật và tìm con đường giải thoát.¹⁴ Cuộc ra đi thể hiện phản ứng của một con người có ý thức đạo đức trước những sự việc mà mình không thể chấp nhận nhưng cũng không đủ khả năng thay đổi.

Khi đến Yên Tử, Trần Thái Tông gặp Quốc sư Phù Vân, một vị thiền sư có uy tín và được nhà vua kính trọng. Quốc sư hỏi về mục đích của chuyến đi. Nhà vua cho biết mình muốn cầu làm Phật chứ không cầu điều gì khác.

Trước nguyện vọng ấy, Quốc sư không hướng Trần Thái Tông đến việc tìm Phật ở một thế giới bên ngoài. Ông khẳng định: “Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là Chân Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài”.¹⁵ Nếu tâm con người thanh tịnh và giác ngộ thì đó chính là Phật; nếu không nhận ra được bản tâm thì dù sống trong núi sâu cũng chưa chắc đạt được giải thoát.

Lời nói này trực tiếp phá bỏ quan niệm cho rằng chỉ có rời bỏ cuộc đời mới có thể tu hành. Quốc sư Phù Vân giúp Trần Thái Tông nhận ra rằng vấn đề không nằm hoàn toàn ở hoàn cảnh bên ngoài mà nằm ở khả năng chuyển hóa nội tâm.

¹⁴ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 14–15.

¹⁵ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 16.

Sau đó, Quốc sư tiếp tục khuyên nhà vua:

“Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng.”¹⁶

Lời khuyên xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của Trần Thái Tông. Nhà vua có thể mong muốn từ bỏ ngai vàng để giải quyết nỗi đau cá nhân, nhưng sự ra đi của ông có thể làm triều đình rối loạn và ảnh hưởng đến đời sống của toàn dân. Khi đã đảm nhận vị trí đứng đầu đất nước, quyết định của nhà vua không còn chỉ liên quan đến riêng mình.

Quốc sư Phù Vân không phủ nhận nguyện vọng tu hành của Trần Thái Tông. Ông vẫn nhắc nhà vua không được sao nhãng việc nghiên cứu kinh điển. Tuy nhiên, sự tu tập ấy phải được thực hiện đồng thời với trách nhiệm đối với nhân dân và quốc gia.

Lời khuyên của Quốc sư đặt Trần Thái Tông trước một cách lựa chọn mới. Nhà vua không cần phải từ bỏ hoàn toàn một trong hai con đường: hoặc làm vua, hoặc tu hành. Ông có thể vừa thực hiện bổn phận của người đứng đầu đất nước, vừa tu dưỡng nội tâm và nghiên cứu Phật pháp.

Trần Thái Tông đã tiếp nhận lời khuyên và trở về kinh thành. Quyết định này đánh dấu một sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức của nhà vua.¹⁷ Thay vì chỉ tìm kiếm sự an lạc cho bản thân, ông chấp nhận quay trở lại cuộc đời để gánh vác trách nhiệm đối với cộng đồng.

1.7 Ý nghĩa bước đầu của cuộc gặp giữa Trần Thái Tông và Quốc sư Phù Vân

Cuộc gặp giữa Trần Thái Tông và Quốc sư Phù Vân¹⁸ có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc đời nhà vua cũng như sự phát triển của tư tưởng Phật giáo thời Trần.¹⁹

Trước hết, cuộc gặp giúp Trần Thái Tông giải quyết mâu thuẫn giữa lý tưởng tu hành và trách nhiệm chính trị. Nhà vua từng cho rằng muốn cầu Phật thì phải rời khỏi cung đình và lên núi. Quốc sư Phù Vân chỉ ra rằng sự giác ngộ nằm trong chính tâm con người, không phụ thuộc tuyệt đối vào địa điểm hay địa vị xã hội.

¹⁶ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18.

¹⁷ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18.

¹⁸ Trong *Thiền Tông Chỉ Nam Tự*, Trần Thái Tông gọi vị thiền sư mà mình gặp trên núi Yên Tử là “Đại Sa-môn Trúc Lâm” hoặc “Quốc sư Trúc Lâm”, không trực tiếp sử dụng danh xưng Phù Vân. Nguyễn Lang cho rằng vị này là Thiền sư Viên Chứng, còn gọi là Đạo Viên; cách gọi Phù Vân trong một số sử liệu cần được tiếp tục khảo chứng. Xem Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., Chương IX, mục “Trúc Lâm Quốc sư”, tr. 265–270.

¹⁹ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Sdd., Chương IX, tr. 254–270; Chương X, tr. 275–315.

Thứ hai, lời khuyên của Quốc sư xác lập một nguyên tắc đạo đức đối với người lãnh đạo. Nhà vua phải biết vượt lên trên ý muốn cá nhân để đặt lợi ích của nhân dân và đất nước lên hàng đầu. Quyền lực không phải là đặc quyền để thỏa mãn bản thân mà là trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

Thứ ba, cuộc gặp cho thấy tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Phật giáo không chỉ hiện diện trong chùa chiền, núi rừng hay nghi lễ mà còn có thể đi vào đời sống chính trị và xã hội. Người tu hành không nhất thiết quay lưng lại với đất nước; ngược lại, tùy theo vị trí của mình, mỗi người có thể phụng sự chúng sinh bằng những hình thức khác nhau.

Đối với một vị vua, phụng sự chúng sinh trước hết là bảo vệ đất nước, giữ yên bờ cõi, chăm lo đời sống nhân dân và sử dụng quyền lực một cách có đạo đức. Vì vậy, trở về trị nước không phải là từ bỏ Phật pháp mà là đưa tinh thần Phật pháp vào thực tiễn.

Thứ tư, lời khuyên còn đặt nền tảng cho sự hình thành quan điểm Đạo pháp gắn liền với Dân tộc trong tư tưởng Trần Thái Tông. Đất nước ổn định là điều kiện để nhân dân được sống an lành và Phật giáo được phát triển. Ngược lại, đạo đức và trí tuệ Phật giáo có thể góp phần xây dựng một nền chính trị nhân ái và có trách nhiệm.

Cuối cùng, sự kiện Trần Thái Tông lên núi rồi trở về cho thấy sự chuyển hóa của chính nhà vua. Trước khi lên núi, ông tìm cách thoát khỏi hoàn cảnh đau khổ. Sau khi nghe lời Quốc sư, ông hiểu rằng mình cần đổi diện và chuyển hóa hoàn cảnh ấy. Đây là bước chuyển từ xu hướng tìm sự giải thoát cá nhân sang tinh thần nhập thế, phụng sự cộng đồng.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH TƯ TƯỞNG TRONG LỜI KHUYÊN CỦA QUỐC SƯ PHÙ VÂN ĐỐI VỚI TRẦN NHÂN TÔNG

2.1. Nội dung và vị trí của lời khuyên trong *Thiền Tông Chỉ Nam Tụ*

Trong *Thiền Tông Chỉ Nam Tụ*, cuộc gặp gỡ giữa Trần Thái Tông và Quốc sư Phù Vân là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt. Đây không chỉ là cuộc đối thoại giữa một vị vua đang rơi vào khủng hoảng tinh thần với một vị thiền sư, mà còn là cuộc đối thoại giữa hai khuynh hướng: rời bỏ thế tục để tìm cầu giải thoát và dấn thân vào cuộc đời để thực hiện trách nhiệm đối với con người.

Khi lên núi Yên Tử, Trần Thái Tông bày tỏ mong muốn tìm Phật. Trước nguyện vọng ấy, Quốc sư Phù Vân chỉ dạy rằng: “Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là Chân Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài”²⁰. Sau đó, Quốc sư khuyên nhà vua:

“Phàm làm bậc nhân quân thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về thì bệ hạ không về sao được. Tuy nhiên, việc nghiên cứu nội điển, xin bệ hạ đừng phút nào quên.”²¹

Trong câu hỏi của đề tài, lời khuyên được diễn đạt: “Phàm là đáng minh quân, bệ hạ hãy lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”. Dù có sự khác nhau nhất định về trật tự diễn đạt, nội dung cốt lõi vẫn thống nhất: người đứng đầu đất nước phải biết vượt lên trên tình cảm và mong muốn riêng để lấy đời sống, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân làm nền tảng cho suy nghĩ và hành động của mình.

Lời khuyên bao gồm ba lớp ý nghĩa có quan hệ chặt chẽ với nhau. Thứ nhất, “Phật ở trong lòng” khẳng định con đường tu hành phải bắt đầu từ sự chuyển hóa nội tâm. Thứ hai, “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình” yêu cầu nhà vua phải có khả năng cảm thông, chia sẻ và đồng hành với nhân dân. Thứ ba, “lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” xác lập mục tiêu hành động của người lãnh đạo là phục vụ lợi ích chung.

Ba lớp ý nghĩa này không tồn tại riêng biệt. Một người chỉ có thể thật sự lấy

²⁰ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Thiền viện Thường Chiếu, 1996, tr. 16.

²¹ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18.

tâm của thiên hạ làm tâm mình khi biết làm giảm sự chi phối của bản ngã. Đồng thời, việc nhận ra Phật ở trong lòng phải được thể hiện bằng hành động cụ thể đối với con người và xã hội. Nếu chỉ nói đến sự giác ngộ nội tâm mà không thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng thì sự tu hành ấy vẫn chưa thể hiện đầy đủ tinh thần từ bi và nhập thế của Phật giáo.

Trong hoàn cảnh của Trần Thái Tông, lời khuyên của Quốc sư Phù Vân vừa giải quyết một khủng hoảng cá nhân, vừa đặt ra một nguyên tắc lãnh đạo. Nhà vua không bị buộc phải lựa chọn hoàn toàn giữa việc làm vua và việc học Phật. Ông có thể tu dưỡng nội tâm trong khi vẫn thực hiện bổn phận trị nước. Điều quan trọng là nhà vua phải xem quyền lực như trách nhiệm, chứ không phải phương tiện thỏa mãn lợi ích cá nhân.

2.2 Ý nghĩa của khái niệm “tâm của thiên hạ”

2.2.1. “Thiên hạ” trong hoàn cảnh Đại Việt thời Trần

Trong ngôn ngữ chính trị truyền thống, “thiên hạ” có thể được hiểu là toàn bộ đất nước và những con người đang sống trong đất nước ấy. Trong hoàn cảnh Đại Việt thời Trần, “thiên hạ” trước hết chỉ cộng đồng dân chúng, triều đình, quân đội và các lực lượng có liên quan đến sự tồn tại của quốc gia.

Tuy nhiên, khi đặt trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, khái niệm “thiên hạ” không nên chỉ được hiểu theo nghĩa lãnh thổ hay quyền lực cai trị. Nội dung quan trọng hơn là con người. Thiên hạ là những người đang mong muốn đất nước được ổn định, xã hội được bình yên và đời sống được bảo đảm.

Khi Trần Thái Tông rời bỏ kinh thành, quyết định ấy không chỉ liên quan đến cuộc đời riêng của nhà vua. Sự vắng mặt của người đứng đầu đất nước có thể làm phát sinh khủng hoảng chính trị, tạo nên sự tranh chấp quyền lực và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân.²²Vì vậy, Quốc sư Phù Vân hướng nhà vua từ nỗi đau cá nhân đến việc nhìn nhận hậu quả rộng lớn hơn đối với “thiên hạ”.

Trong ý nghĩa đó, “thiên hạ” trở thành chủ thể mà người lãnh đạo phải có trách nhiệm phụng sự. Nhà vua không thể xem quốc gia như tài sản riêng của hoàng tộc. Sự tồn tại của triều đại chỉ có ý nghĩa khi gắn với đời sống và lợi ích của cộng đồng.

2.2.2. “Tâm của thiên hạ” là nỗi lo và nguyện vọng của nhân dân

“Tâm của thiên hạ” có thể được hiểu là những suy nghĩ, tình cảm, nỗi lo và

²² Trần Thái Tông, “Tựa Thiên Tông Chi Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 17–18.

mong ước của nhân dân. Trong đời sống thực tế, người dân luôn mong muốn có một xã hội ổn định, một đất nước độc lập và một cuộc sống tương đối an lành.²³

Người lãnh đạo lấy tâm của thiên hạ làm tâm mình là người biết đặt mình vào hoàn cảnh của dân chúng. Khi nhân dân đói khổ, người lãnh đạo phải xem đó là nỗi lo của mình; khi đất nước bị đe dọa, người lãnh đạo phải xem việc bảo vệ quốc gia là trách nhiệm của mình; khi xã hội xảy ra bất công và rối loạn, người lãnh đạo không thể đứng ngoài hoặc chỉ quan tâm đến quyền lợi của bản thân.

Lấy tâm của thiên hạ làm tâm mình không có nghĩa là người lãnh đạo hoàn toàn mất đi suy nghĩ riêng. Điều được nhấn mạnh ở đây là khả năng vượt qua cái nhìn vị kỷ để nhận biết đời sống của người khác. Người lãnh đạo vẫn phải có chính kiến và năng lực quyết định, nhưng chính kiến ấy phải được hình thành trên cơ sở hiểu dân và hướng đến lợi ích của dân.

Quan niệm này đặt ra yêu cầu về sự gần gũi giữa người lãnh đạo với nhân dân. Nếu người lãnh đạo sống tách biệt khỏi đời sống thực tế, chỉ tiếp nhận thông tin qua những người phục vụ quyền lực, thì khó có thể hiểu được “tâm của thiên hạ”. Muốn biết dân đang nghĩ gì, cần gì và chịu đựng điều gì, người lãnh đạo phải biết quan sát, lắng nghe và tiếp xúc với thực tế.

Trong chế độ quân chủ, nhà vua nắm giữ quyền lực lớn. Vì vậy, khả năng thấu hiểu và đồng cảm với nhân dân trở thành một điều kiện quan trọng để quyền lực không bị sử dụng một cách độc đoán. Lời khuyên của Quốc sư Phù Vân hướng Trần Thái Tông đến việc tự giới hạn quyền lực bằng lương tâm và trách nhiệm đạo đức.

2.2.3. “Tâm của thiên hạ” và tư tưởng lấy dân làm gốc

Nội dung “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình” có điểm tương đồng với tư tưởng lấy dân làm gốc trong truyền thống chính trị phương Đông. Dân là lực lượng trực tiếp sản xuất, xây dựng và bảo vệ đất nước. Một triều đại không thể tồn tại bền vững nếu không nhận được sự ủng hộ của nhân dân.

Tuy nhiên, trong lời khuyên của một thiền sư đối với một vị vua, quan niệm lấy dân làm gốc không chỉ có ý nghĩa chính trị. Nó còn mang nội dung đạo đức và tôn giáo. Nhân dân không chỉ là nguồn sức mạnh bảo vệ vương triều mà còn là những con người cụ thể đang có những nhu cầu, đau khổ và quyền lợi cần được quan tâm.

Nếu chỉ xem dân là phương tiện để duy trì quyền lực, tư tưởng lấy dân làm gốc

²³ Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Thiền viện Thường Chiếu, 1996, tr. 33–34.

có thể bị sử dụng theo tinh thần thực dụng. Ngược lại, khi đặt trên nền tảng từ bi và vô ngã của Phật giáo, việc quan tâm đến dân chúng trở thành một trách nhiệm đạo đức. Người lãnh đạo phải phụng sự dân vì nhận thức được giá trị của con người, chứ không chỉ vì muốn bảo vệ ngai vàng.

Quốc sư Phù Vân không khuyên Trần Thái Tông trở về đơn thuần để duy trì quyền lực của nhà Trần. Điều cốt lõi là nhà vua đang gánh vác một trách nhiệm mà sự từ bỏ đột ngột có thể gây tổn hại đến nhiều người. Trong hoàn cảnh đó, lợi ích của cộng đồng cần được đặt cao hơn ý muốn rút lui của cá nhân.

Như vậy, tư tưởng lấy dân làm gốc trong lời khuyên của Quốc sư mang chiều sâu nhân bản. Giá trị của người lãnh đạo được xác định không phải bởi địa vị cao quý mà bởi khả năng đem lại lợi ích, sự ổn định và bình an cho nhân dân.

2.3 Ý nghĩa của tư tưởng “lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”

2.3.1. Đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân

Nếu “tâm của thiên hạ” liên quan đến khả năng thấu hiểu và đồng cảm thì “ý muốn của thiên hạ” hướng đến mục tiêu hành động. Quốc sư Phù Vân yêu cầu Trần Thái Tông không chỉ hiểu dân mà còn phải biến nguyện vọng chính đáng của dân thành mục tiêu của quá trình trị nước.

Trong hoàn cảnh cụ thể, ý muốn cá nhân của Trần Thái Tông là rời bỏ ngai vàng để tìm sự thanh thản trong đời sống tu hành. Nguyện vọng ấy xuất phát từ những đau khổ và mâu thuẫn đạo đức có thật. Tuy nhiên, ý muốn của “thiên hạ” là nhà vua trở về, ổn định triều chính và tiếp tục đảm nhận trách nhiệm đối với đất nước.²⁴

Lời khuyên của Quốc sư không phủ nhận quyền được đau khổ hay khát vọng tu hành của Trần Thái Tông. Quốc sư giúp nhà vua nhận ra rằng khi một người đang giữ vị trí có ảnh hưởng đến đời sống của toàn dân, quyết định của người ấy không thể chỉ dựa trên cảm xúc cá nhân.

Người lãnh đạo cần biết hy sinh một phần lợi ích hoặc mong muốn riêng vì lợi ích chung. Sự hy sinh này không phải là việc hủy bỏ hoàn toàn cá nhân, mà là khả năng nhận thức thứ tự ưu tiên trong từng hoàn cảnh. Khi vận mệnh đất nước và đời sống nhân dân bị ảnh hưởng, trách nhiệm cộng đồng phải được đặt lên trước.

Đây chính là biểu hiện của tinh thần vô ngã trong hoạt động lãnh đạo. Vô ngã không có nghĩa là phủ định sự tồn tại của con người, mà là không xem cái tôi và lợi

²⁴ Trần Thái Tông, “Tựa Thiên Tông Chi Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 15–18.

ích của mình như trung tâm tuyệt đối. Khi cái tôi được tiết chế, người lãnh đạo có thể nhìn nhận vấn đề khách quan hơn và hành động vì lợi ích của nhiều người.

2.3.2. Ý muốn của thiên hạ là cuộc sống hòa bình, ổn định và no đủ

Ý muốn của thiên hạ không phải là một khái niệm hoàn toàn trừu tượng. Trong đời sống xã hội, nguyện vọng căn bản của nhân dân là được sống trong hòa bình, an toàn, ổn định và có điều kiện lao động để bảo đảm cuộc sống.

Đối với Đại Việt thời Trần, những nguyện vọng đó gắn liền với yêu cầu củng cố chính quyền, ổn định xã hội, phát triển sản xuất và bảo vệ nền độc lập trước nguy cơ ngoại xâm. Vì vậy, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình nghĩa là người lãnh đạo phải dồn tâm lực vào việc trị quốc, an dân và giữ yên bờ cõi.

Nhà vua không thể chỉ quan tâm đến những nghi lễ, sự xa hoa của cung đình hoặc những cuộc tranh giành quyền lực trong hoàng tộc. Quyền lực chính trị chỉ có giá trị khi được sử dụng để giải quyết những vấn đề thiết thực của đất nước.

Một xã hội có đời sống vật chất ổn định sẽ tạo điều kiện để con người phát triển đạo đức, văn hóa và tâm linh. Ngược lại, nếu nhân dân thường xuyên sống trong đói nghèo, chiến tranh và bất an thì việc thực hành tôn giáo cũng khó có điều kiện thuận lợi. Vì thế, chăm lo đời sống nhân dân không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn gián tiếp tạo dựng môi trường để Đạo pháp được phát triển.

2.3.3. Không đồng nhất “ý muốn của thiên hạ” với mọi mong muốn nhất thời

Khi phân tích lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, cần tránh hiểu “lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” theo nghĩa người lãnh đạo phải làm theo mọi yêu cầu hoặc mong muốn nhất thời của số đông.

Trong xã hội, các cá nhân và các nhóm có thể có lợi ích khác nhau. Một mong muốn được nhiều người bày tỏ trong một thời điểm nhất định chưa chắc đã phù hợp với lợi ích lâu dài của quốc gia. Vì vậy, người lãnh đạo không chỉ cần biết lắng nghe mà còn phải có trí tuệ để phân biệt giữa nhu cầu chính đáng và những đòi hỏi có thể gây tổn hại đến cộng đồng.

“Ý muốn của thiên hạ” trong lời khuyên nên được hiểu là lợi ích căn bản, chính đáng và lâu dài của nhân dân. Đó là độc lập, hòa bình, ổn định, công bằng tương đối và những điều kiện sống cần thiết. Người lãnh đạo phải dùng trí tuệ để nhận biết lợi ích ấy, đồng thời lựa chọn phương thức phù hợp để thực hiện.

Như vậy, tư tưởng của Quốc sư không đề cao sự chiều theo số đông một cách thiếu nguyên tắc. Lời khuyên đòi hỏi sự kết hợp giữa lắng nghe nhân dân với bản lĩnh,

trách nhiệm và tầm nhìn của người đứng đầu.

2.3.4. Quyền lực là trách nhiệm phụng sự

Lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình cũng đồng nghĩa với việc thay đổi cách nhìn về quyền lực. Quyền lực không còn là đặc quyền để người lãnh đạo hưởng thụ hoặc áp đặt ý muốn cá nhân, mà trở thành phương tiện để phục vụ cộng đồng.

Khi xem quyền lực là đặc quyền, người lãnh đạo dễ phát sinh tâm tham, kiêu mạn và bảo vệ địa vị bằng mọi giá. Khi xem quyền lực là trách nhiệm, người lãnh đạo ý thức rằng mỗi quyết định của mình đều có thể ảnh hưởng đến đời sống của nhiều người.

Trong tinh thần ấy, người lãnh đạo phải thường xuyên tự kiểm điểm: quyết định này có thực sự có lợi cho nhân dân hay không; việc sử dụng nguồn lực quốc gia có phục vụ cộng đồng hay chỉ phục vụ một nhóm nhỏ; việc duy trì quyền lực có còn phù hợp với lợi ích của đất nước hay không.

Sự tự kiểm điểm này có quan hệ gần gũi với tinh thần phản tỉnh và sám hối trong Phật giáo. Người tu hành phải quan sát thân, khẩu, ý của chính mình. Tương tự, người lãnh đạo phải thường xuyên xem xét động cơ, lời nói và hành động để hạn chế những sai lầm do tham vọng và bản ngã gây ra.

2.4 Tinh thần từ bi trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân

2.4.1. Từ bi là thấu hiểu và làm vơi bớt khổ đau

Từ bi là một trong những giá trị căn bản của Phật giáo. “Từ” là đem lại niềm vui, “bi” là cứu giúp chúng sinh thoát khỏi đau khổ. Từ bi không chỉ là cảm xúc thương xót mà còn đòi hỏi hành động cụ thể nhằm làm giảm bớt những nguyên nhân gây khổ đau.

Trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, tinh thần từ bi trước hết được thể hiện ở sự thấu hiểu đối với Trần Thái Tông. Quốc sư không lên án nhà vua vì đã rời bỏ kinh thành, cũng không phủ nhận nỗi đau của ông. Vị thiền sư nhận biết được những giằng co trong tâm nhà vua và đưa ra một con đường giúp ông vừa chuyển hóa khổ đau, vừa không từ bỏ trách nhiệm.²⁵

Tuy nhiên, lòng từ bi của Quốc sư không dừng lại ở sự cảm thông với một cá nhân. Quốc sư còn nhìn đến những hậu quả có thể xảy ra đối với nhân dân nếu nhà

²⁵ Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 28–30.

vua rời bỏ trách nhiệm. Vì vậy, lời khuyên hướng Trần Thái Tông từ nỗi đau riêng đến nỗi lo chung của đất nước.

Đây là sự mở rộng của lòng từ bi. Khi chỉ nhìn vào bản thân, con người thường cảm thấy nỗi đau của mình là lớn nhất. Khi biết nhìn đến những người khác, con người có thể nhận ra rằng quyết định của mình còn ảnh hưởng đến nhiều số phận. Nhận thức ấy giúp con người vượt qua sự khép kín trong đau khổ cá nhân.

2.4.2. Từ bi của người lãnh đạo phải được thể hiện bằng chính sách và hành động

Đối với người bình thường, lòng từ bi có thể được thể hiện qua việc giúp đỡ một số người trong phạm vi nhất định. Đối với người lãnh đạo, từ bi phải được thể hiện ở quy mô rộng hơn, thông qua việc xây dựng chính sách, duy trì trật tự, bảo vệ đất nước và tạo điều kiện cho nhân dân ổn định cuộc sống.

Một vị vua chỉ bày tỏ tình thương bằng lời nói nhưng không giải quyết những vấn đề thực tế của dân chúng thì chưa thể hiện đầy đủ tinh thần từ bi. Lòng thương dân phải chuyển hóa thành trách nhiệm cụ thể trong hoạt động trị nước.

Từ bi trong chính trị không đồng nghĩa với sự mềm yếu hoặc buông lỏng kỷ cương. Trong một số hoàn cảnh, người lãnh đạo phải đưa ra những quyết định nghiêm khắc để bảo vệ lợi ích chung. Điều quan trọng là động cơ của quyết định ấy không xuất phát từ sân hận, trả thù hoặc tham vọng cá nhân, mà nhằm ngăn chặn những tổn hại lớn hơn đối với cộng đồng.

Do đó, từ bi cần đi cùng trí tuệ. Trí tuệ giúp người lãnh đạo nhìn thấy nguyên nhân và hậu quả của vấn đề, còn từ bi định hướng việc giải quyết vấn đề theo tinh thần tôn trọng con người và giảm thiểu khổ đau.

2.4.3. Từ bi gắn với trách nhiệm bảo vệ đất nước

Phật giáo đề cao tinh thần không sát sinh và tôn trọng sự sống. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là người lãnh đạo được phép thụ động trước sự xâm lược và bạo lực. Khi đất nước bị tấn công, nếu không tổ chức bảo vệ thì sinh mạng, tài sản và sự bình an của đông đảo nhân dân sẽ bị đe dọa.

Vì vậy, bảo vệ đất nước có thể được xem là một biểu hiện của trách nhiệm từ bi đối với cộng đồng. Mục đích của việc chống ngoại xâm không phải là thỏa mãn lòng hiếu chiến mà là ngăn chặn bạo lực, bảo vệ sự sống và khôi phục hòa bình.

Trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, tinh thần từ bi vì thế không tách rời trách nhiệm chính trị. Một vị vua thấm nhuần lòng từ bi phải biết bảo vệ nhân dân trước những nguy cơ từ bên trong và bên ngoài đất nước.

2.5 Tinh thần vô ngã và vị tha trong nghệ thuật lãnh đạo

2.5.1 Vô ngã không phải là phủ nhận trách nhiệm cá nhân

Vô ngã là một trong những tư tưởng quan trọng của Phật giáo. Theo đó, con người và mọi sự vật không tồn tại như những thực thể bất biến, độc lập hoàn toàn với các điều kiện khác. Mỗi cá nhân được hình thành và tồn tại trong nhiều mối quan hệ với gia đình, xã hội và môi trường.

Khi vận dụng vào hoạt động lãnh đạo, vô ngã không có nghĩa là người lãnh đạo phủ nhận vai trò hoặc trách nhiệm cá nhân. Ngược lại, nhận thức vô ngã giúp người lãnh đạo hiểu rằng địa vị và quyền lực của mình không tồn tại độc lập. Quyền lực ấy được hình thành trong quan hệ với đất nước, triều đình và nhân dân.

Ngai vàng không phải là sở hữu tuyệt đối của nhà vua. Nhà vua chỉ có ý nghĩa khi thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng. Nếu tách khỏi nhân dân và lợi ích quốc gia, quyền lực sẽ mất đi nền tảng chính đáng.²⁶

Vì vậy, vô ngã trong lãnh đạo là khả năng không đồng nhất bản thân với quyền lực, không xem địa vị là giá trị tuyệt đối và không để lợi ích cá nhân chi phối mọi quyết định.

2.5.2. Từ bỏ sự độc đoán của cái tôi

Người lãnh đạo có quyền lực lớn dễ xem suy nghĩ của mình là chân lý và ý muốn của mình là mệnh lệnh tuyệt đối. Khi đó, quyền lực có thể trở thành phương tiện củng cố bản ngã.

Lời khuyên “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” trực tiếp hạn chế xu hướng ấy. Quốc sư yêu cầu người lãnh đạo phải rời khỏi vị trí trung tâm của cái tôi để đặt mình vào vị trí của người khác.

Điều này đòi hỏi nhà vua phải biết lắng nghe ý kiến khác biệt, chấp nhận rằng nhận thức của mình có thể chưa đầy đủ và sẵn sàng điều chỉnh quyết định khi nhận thấy sai lầm. Một người lãnh đạo không có khả năng tự xét lại thì khó có thể thật sự phục vụ nhân dân.

Sự vô ngã còn thể hiện ở thái độ không tham đắm quyền lực. Người lãnh đạo phải biết rằng địa vị là tạm thời và cần được chuyển giao khi thích hợp. Quyền lực không phải mục tiêu cuối cùng mà chỉ là phương tiện để thực hiện trách nhiệm trong một giai đoạn nhất định.

²⁶ Diệu Tâm, “Phật tại tâm dưới góc nhìn của Trần Thái Tông”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, tháng 5 năm 2021, phân phân tích câu “Dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm”.

2.5.3. Vị tha là hành động vì lợi ích của người khác

Nếu vô ngã nhấn mạnh việc giảm bớt sự chấp trước vào cái tôi thì vị tha nhấn mạnh hành động hướng đến lợi ích của người khác. Hai tư tưởng này có quan hệ chặt chẽ. Khi không còn xem lợi ích cá nhân là trung tâm tuyệt đối, con người có điều kiện hành động vì cộng đồng.

Trong hoàn cảnh Trần Thái Tông, việc trở về kinh thành sau lời khuyên của Quốc sư là sự lựa chọn mang tính vị tha. Nhà vua tạm gác mong muốn tìm sự thanh thản cá nhân để tiếp tục gánh vác trách nhiệm đối với đất nước.

Tuy nhiên, vị tha không có nghĩa là hy sinh một cách mù quáng hoặc để cá nhân bị lợi dụng. Vị tha chân chính phải được soi sáng bằng trí tuệ. Người lãnh đạo cần nhận biết điều gì thực sự có ích cho cộng đồng và lựa chọn phương thức thực hiện phù hợp.

Lời khuyên của Quốc sư vì thế không chỉ yêu cầu một sự hy sinh cảm tính. Đó là lời kêu gọi Trần Thái Tông nhận thức rõ vị trí, năng lực và trách nhiệm của mình trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

2.6. Tư tưởng bình đẳng và quan niệm “Phật ở trong lòng”

2.6.1. Khả năng giác ngộ không phụ thuộc vào địa vị

Câu nói “Phật ở ngay trong lòng” khẳng định khả năng giác ngộ nằm trong mỗi con người. Phật không phải là một đối tượng chỉ có thể tìm thấy ở núi cao, rừng sâu hoặc trong một địa vị tôn giáo nhất định.²⁷

Quan niệm này mang ý nghĩa bình đẳng sâu sắc. Vua cũng như dân, người xuất gia cũng như người tại gia đều phải quay về tu sửa tâm mình. Địa vị xã hội không tự động đem lại giác ngộ, đồng thời công việc thế tục cũng không tuyệt đối ngăn cản con đường tu tập.

Trần Thái Tông dù đang làm vua vẫn có thể học Phật và tu hành. Ngược lại, việc lên núi nhưng không chuyển hóa tâm thức thì chưa chắc đã đạt được mục đích. Như vậy, giá trị tâm linh của con người được xác định bởi nhận thức và hành động, không phải chỉ bởi hình thức bên ngoài.

2.6.2. Từ bình đẳng tâm linh đến trách nhiệm chính trị

Khi thừa nhận mọi người đều có Phật tính và đều có khả năng giác ngộ, người lãnh đạo không thể xem nhân dân chỉ là đối tượng bị cai trị. Mỗi người dân đều có

²⁷ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 16; xem thêm phần giảng giải, tr. 29–30.

giá trị và phẩm giá cần được tôn trọng.

Từ đó, bình đẳng tâm linh có thể tạo cơ sở đạo đức cho thái độ tôn trọng con người trong hoạt động chính trị. Dù xã hội thời Trần vẫn tồn tại sự phân chia địa vị, tư tưởng Phật giáo góp phần nhắc nhở người cầm quyền rằng sự khác biệt về quyền lực không đồng nghĩa với sự khác biệt tuyệt đối về giá trị con người.

Nhà vua có quyền quyết định những vấn đề lớn của quốc gia, nhưng không vì thế mà có thể xem nhẹ đời sống của dân chúng. Người dân tuy không giữ địa vị cao nhưng lại là nền tảng làm nên sức mạnh và sự tồn tại của đất nước.

2.6.3. Tu hành trong chính bốn phận hiện tại

Trần Thái Tông, con đường tu tập không nằm ngoài việc thực hiện trách nhiệm của một vị vua.

Nhà vua có thể thực hành từ bi bằng cách chăm lo cho nhân dân; thực hành vô ngã bằng cách không đặt lợi ích cá nhân lên trên đất nước; thực hành trí tuệ bằng việc đưa ra những quyết định phù hợp; thực hành giới hạnh bằng việc tiết chế dục vọng và không lạm dụng quyền lực.²⁸

Như vậy, mỗi công việc trị nước đều có thể trở thành cơ hội tu dưỡng nếu được thực hiện với động cơ đúng đắn. Đây là sự kết hợp giữa tu tâm và hành động xã hội, giữa đời sống nội tâm và trách nhiệm bên ngoài.

2.7. Sự kết hợp giữa từ bi và trí tuệ trong tư tưởng lãnh đạo

2.7.1. Từ bi định hướng mục tiêu lãnh đạo

Từ bi giúp người lãnh đạo xác định mục tiêu là đem lại lợi ích và giảm bớt khổ đau cho nhân dân. Nếu thiếu từ bi, quyền lực dễ bị sử dụng để phục vụ tham vọng cá nhân, bảo vệ đặc quyền hoặc trấn áp những người yếu thế.

Người lãnh đạo có lòng từ bi sẽ quan tâm đến hậu quả xã hội của mỗi quyết định. Trước khi hành động, người ấy cần cân nhắc quyết định có làm tăng thêm khổ đau hay không, có xâm hại đến đời sống của dân chúng hay không và có bảo vệ được lợi ích chung hay không.

2.7.2. Trí tuệ lựa chọn phương thức phù hợp

Từ bi chỉ xác định mục tiêu nhưng chưa đủ để bảo đảm kết quả tốt. Người lãnh đạo còn cần trí tuệ để hiểu đúng hoàn cảnh, nhận biết nguyên nhân của vấn đề và lựa chọn giải pháp thích hợp.

²⁸ Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 33–35.

Có những quyết định xuất phát từ ý tốt nhưng vì thiếu hiểu biết nên dẫn đến hậu quả không mong muốn. Vì vậy, người lãnh đạo phải biết học hỏi, tham khảo ý kiến của người có năng lực, quan sát thực tế và dự đoán tác động lâu dài.

Trong tinh thần Phật giáo, trí tuệ còn giúp con người nhận ra tính duyên sinh của các sự việc. Một vấn đề xã hội không xuất hiện từ một nguyên nhân đơn lẻ mà thường do nhiều điều kiện tạo thành. Muốn giải quyết hiệu quả, người lãnh đạo cần nhìn nhận toàn diện chứ không chỉ xử lý biểu hiện bên ngoài.

2.7.3. Từ bi và trí tuệ phải hỗ trợ lẫn nhau

Nếu chỉ có từ bi mà thiếu trí tuệ, người lãnh đạo có thể trở nên do dự, cảm tính hoặc dễ bị lợi dụng. Nếu chỉ có trí tuệ theo nghĩa khả năng tính toán mà thiếu từ bi, người lãnh đạo có thể đạt hiệu quả trước mắt nhưng gây tổn hại đến con người.

Vì vậy, lý tưởng lãnh đạo trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân là sự kết hợp giữa lòng thương dân và năng lực nhận thức đúng đắn. Người lãnh đạo phải hiểu dân, thương dân nhưng cũng phải có bản lĩnh và trí tuệ để thực hiện lợi ích lâu dài của đất nước.

2.8. Tinh thần nhập thế qua lời khuyên của Quốc sư Phù Vân

2.8.1. Tu hành không phải là chạy trốn cuộc đời

Trần Thái Tông lên núi Yên Tử trong trạng thái đau khổ và mong muốn rời bỏ những ràng buộc của triều chính. Quốc sư Phù Vân đã giúp nhà vua nhận ra rằng thay đổi không gian sống chưa chắc giải quyết được nguyên nhân sâu xa của khổ đau.

Nếu tâm còn chấp trước, sân hận và bất an thì dù sống nơi núi rừng thanh vắng, con người vẫn có thể tiếp tục chịu khổ. Ngược lại, nếu biết chuyển hóa tâm thức thì ngay giữa những công việc phức tạp, con người vẫn có thể giữ được sự tỉnh thức.

Do đó, lời khuyên của Quốc sư không phủ nhận giá trị của đời sống xuất gia, mà chỉ ra con đường thích hợp đối với Trần Thái Tông. Trong hoàn cảnh đang là người đứng đầu quốc gia, nhà vua không nên dùng việc tu hành như một phương thức trốn tránh trách nhiệm.

2.8.2. Phụng sự nhân dân là một hình thức hành đạo

Tinh thần nhập thế của lời khuyên được thể hiện rõ ở việc đưa lý tưởng tu hành vào hoạt động trị nước. Người làm vua có thể thực hành Phật pháp bằng việc bảo vệ dân chúng, ổn định xã hội và xây dựng hòa bình.

Phụng sự nhân dân là hành động cụ thể hóa lòng từ bi. Khi nhà vua tạo điều kiện để dân chúng được sống an lành, đó không chỉ là thành tựu chính trị mà còn là

biểu hiện của trách nhiệm đạo đức.

Ở đây, Đạo pháp và Dân tộc không phải là hai lĩnh vực đối lập. Phật pháp cung cấp nền tảng đạo đức và tinh thần cho người lãnh đạo; trách nhiệm đối với dân tộc tạo môi trường để những giá trị Phật giáo được thực hiện trong đời sống.

2.8.3. Không được sao nhãng việc nghiên cứu nội điển

Sau khi khuyên Trần Thái Tông trở về, Quốc sư Phù Vân vẫn nhắc nhà vua không được sao nhãng việc nghiên cứu nội điển.²⁹ Chi tiết này cho thấy Quốc sư không yêu cầu nhà vua từ bỏ lý tưởng tu hành để chỉ tập trung vào quyền lực thế tục.

Việc nghiên cứu kinh điển và tu dưỡng nội tâm có ý nghĩa quan trọng đối với người cầm quyền. Quyền lực luôn có nguy cơ làm phát sinh tham vọng, kiêu mạn và sự chấp trước. Nếu không thường xuyên phản tỉnh, người lãnh đạo dễ bị quyền lực chi phối.

Phật pháp giúp nhà vua nhận thức tính vô thường của địa vị, thấy rõ trách nhiệm đối với nghiệp do mình tạo ra và biết tiết chế ham muốn. Nhờ đó, hoạt động trị nước có thể được định hướng bởi đạo đức thay vì chỉ dựa trên quyền lực.

Lời dạy của Quốc sư vì thế tạo nên sự cân bằng: nhà vua phải trở về gánh vác việc đời nhưng không được đánh mất đời sống tâm linh. Trách nhiệm xã hội và việc tu dưỡng bản thân phải được thực hiện song song.

2.9. Bình luận về giá trị và giới hạn của lời khuyên

2.9.1. Giá trị về phương diện đạo đức

Lời khuyên của Quốc sư Phù Vân trước hết xác lập một chuẩn mực đạo đức đối với người đứng đầu đất nước. Người lãnh đạo chân chính không thể chỉ sống cho bản thân mà phải biết gắn cuộc đời mình với trách nhiệm đối với cộng đồng.

Giá trị của người lãnh đạo không được đo bằng mức độ tập trung quyền lực hay sự giàu sang của triều đình, mà bằng khả năng đem lại hòa bình, ổn định và đời sống tốt đẹp hơn cho nhân dân.

Lời khuyên cũng nhấn mạnh việc tự hạn chế cái tôi. Trong điều kiện quyền lực chưa được kiểm soát bằng những cơ chế hiện đại, sự tự giác đạo đức của người cầm quyền giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

2.9.2. Giá trị về phương diện chính trị

Về chính trị, lời nói của Quốc sư khẳng định người dân là nền tảng của đất

²⁹ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chi Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18.

nước. Quyền lực của nhà vua phải hướng đến lợi ích của dân chúng. Đây là một quan niệm có ý nghĩa tiên bộ trong bối cảnh quân chủ.

Lời khuyên còn cho thấy nghệ thuật lãnh đạo không chỉ là việc ban hành mệnh lệnh. Muốn điều hành đất nước có hiệu quả, người lãnh đạo phải hiểu được tâm lý, nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Khi người lãnh đạo biết đặt mình vào vị trí của dân, các quyết định sẽ có khả năng phù hợp hơn với đời sống thực tế. Ngược lại, nếu quyền lực tách khỏi nhân dân, sự bất mãn và xung đột xã hội có thể phát sinh.

2.9.3. Giá trị về phương diện Phật học

Dưới góc độ Phật học, lời khuyên là sự vận dụng tinh thần từ bi, vô ngã, vị tha, bình đẳng và trí tuệ vào đời sống chính trị. Giáo lý không chỉ được trình bày trong kinh điển mà trở thành nguyên tắc hướng dẫn hành động.

Đặc biệt, quan niệm “Phật ở trong lòng” góp phần khẳng định rằng sự tu tập không bị giới hạn bởi hình thức bên ngoài. Một vị vua vẫn có thể tu hành nếu biết chuyển hóa tâm và sử dụng quyền lực để phụng sự con người.

Đây là biểu hiện rõ nét của khuynh hướng nhập thế trong Phật giáo Việt Nam. Sự giải thoát cá nhân không tách rời trách nhiệm làm giảm khổ đau cho cộng đồng.

2.9.4. Một số vấn đề cần nhìn nhận thận trọng

Bên cạnh những giá trị tích cực, lời khuyên cũng cần được nhìn nhận trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể. “Ý muốn của thiên hạ” trong xã hội quân chủ chưa được thể hiện thông qua những cơ chế đại diện và tham gia chính trị như trong xã hội hiện đại. Việc xác định ý muốn của nhân dân phần lớn phụ thuộc vào nhận thức và đạo đức của người cầm quyền.

Điều này dẫn đến nguy cơ người lãnh đạo có thể nhân danh lợi ích của thiên hạ để thực hiện ý muốn của mình. Vì vậy, lời khuyên chỉ thực sự có giá trị khi người lãnh đạo có tinh thần tự kiểm điểm, biết lắng nghe và không đồng nhất lợi ích của triều đại với lợi ích của toàn dân.

Ngoài ra, việc Quốc sư khuyên Trần Thái Tông trở về không nên được hiểu là sự tán thành đối với mọi sự sắp đặt đã gây ra khủng hoảng trong hoàng tộc. Lời khuyên chủ yếu hướng đến việc giải quyết hậu quả trong hoàn cảnh đất nước cần sự ổn định.

Quốc sư nhận thấy Trần Thái Tông có lương tâm đạo đức, có sự phản tỉnh và có khả năng gánh vác việc nước. Chính sự đau khổ và phản ứng của nhà vua trước những việc trái với tình cảm, đạo lý cho thấy ông chưa bị quyền lực làm mất đi hoàn

toàn lòng trắc ẩn.

Vì vậy, Quốc sư không chỉ nhìn vào lỗi lầm hoặc nghịch cảnh hiện tại mà còn nhìn thấy khả năng chuyển hóa của Trần Thái Tông. Nhà vua được khuyên trở về không phải để tiếp tục sống theo sự áp đặt của quyền lực, mà để dùng chính trải nghiệm đau khổ của mình làm nền tảng thấu hiểu và phụng sự nhân dân.

2.10. Ý nghĩa hiện thời của lời khuyên

Mặc dù ra đời trong bối cảnh xã hội quân chủ, lời khuyên của Quốc sư Phù Vân vẫn có ý nghĩa đối với đời sống hiện nay.

Đối với người lãnh đạo, “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình” là yêu cầu phải gần gũi, lắng nghe và thấu hiểu đời sống nhân dân. Người lãnh đạo không nên chỉ nhìn xã hội qua các báo cáo mà cần quan tâm đến những khó khăn thực tế của con người.

“Lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” nhắc nhở người có trách nhiệm phải đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân và lợi ích nhóm. Mọi quyết định cần hướng đến sự phát triển bền vững, công bằng và đời sống bình an của cộng đồng.³⁰

Đối với Tăng Ni và Phật tử, lời khuyên cho thấy việc tu học Phật pháp không thể tách rời trách nhiệm xã hội. Tu hành không chỉ là thực hiện nghi lễ, tụng kinh hoặc tìm sự bình an cho bản thân. Người học Phật cần thể hiện từ bi bằng những hành động cụ thể, đóng góp cho cộng đồng và giúp đỡ những người đang gặp khó khăn.

Đối với thế hệ trẻ, tư tưởng của Quốc sư Phù Vân nhắc nhở mỗi người phải biết cân bằng giữa lợi ích cá nhân và trách nhiệm chung. Mỗi cá nhân đều có quyền theo đuổi lý tưởng riêng, nhưng cũng cần ý thức rằng suy nghĩ và hành động của mình luôn có mối liên hệ với gia đình, xã hội và đất nước.

Lời khuyên còn gợi mở một quan niệm về thành công. Thành công không chỉ là đạt được địa vị, danh vọng hay lợi ích vật chất. Thành công còn nằm ở khả năng sử dụng năng lực và vị trí của mình để tạo ra những giá trị tích cực cho người khác.

³⁰ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18; Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 34–35.

CHƯƠNG 3: SỰ THỰC HÀNH LỜI KHUYÊN VÀ QUAN ĐIỂM PHỤNG SỰ ĐẠO PHÁP – DÂN TỘC CỦA TRẦN THÁI TÔNG

3.1. Từ sự trở về kinh thành đến lựa chọn nhập thế của Trần Thái Tông

Cuộc gặp gỡ với Quốc sư Phù Vân trên núi Yên Tử đã tạo nên một bước chuyển quan trọng trong nhận thức của Trần Thái Tông. Trước khi lên núi, nhà vua cho rằng muốn tìm cầu sự giải thoát thì cần phải rời bỏ ngai vàng và những ràng buộc của đời sống chính trị. Tuy nhiên, lời chỉ dạy “Phật ở trong tâm” đã giúp ông nhận ra rằng sự tu hành không nhất thiết phụ thuộc vào việc sống trong cung điện hay nơi núi rừng, mà trước hết nằm ở khả năng chuyển hóa nội tâm.

Quốc sư Phù Vân không phủ nhận chí nguyện học Phật của Trần Thái Tông. Trái lại, Quốc sư vẫn căn dặn nhà vua không được sao nhãng việc nghiên cứu nội điển. Điều mà Quốc sư muốn thay đổi là cách nhìn của Trần Thái Tông về mối quan hệ giữa tu hành và trách nhiệm xã hội. Nhà vua không cần phải lựa chọn một trong hai con đường: hoặc làm vua, hoặc học Phật. Ông có thể vừa gánh vác việc nước, vừa tu dưỡng tâm thức và nghiên cứu Phật pháp.

Sau khi tiếp nhận lời khuyên của Quốc sư, Trần Thái Tông cùng quần thần trở về kinh thành và tiếp tục trị vì. Trong thời gian rảnh rỗi, nhà vua tập hợp những bậc có đạo đức và hiểu biết để tham cứu Thiên học, đồng thời nghiên cứu các kinh điển Đại thừa.³¹ Sự lựa chọn này cho thấy ông không từ bỏ nguyện vọng tu hành mà chuyển từ khuynh hướng tìm kiếm sự giải thoát riêng sang con đường tu tập ngay trong trách nhiệm của một vị vua.

Việc trở về kinh thành vì thế không nên được hiểu đơn thuần là sự khuất phục trước áp lực của Trần Thủ Độ và quần thần. Ở phương diện tư tưởng, đây còn là sự tiếp nhận một con đường hành đạo mới. Trần Thái Tông nhận ra rằng khi đang đứng đầu đất nước, việc bảo vệ cuộc sống của nhân dân, duy trì sự ổn định của xã hội và giữ gìn nền độc lập cũng chính là những trách nhiệm đạo đức mà ông không thể từ bỏ.

Từ đây, việc trị nước không còn đối lập với việc tu hành. Trần Thái Tông có thể thực hành từ bi bằng cách chăm lo cho dân chúng, thực hành vô ngã bằng cách đặt lợi ích quốc gia lên trên mong muốn cá nhân và thực hành trí tuệ bằng việc đưa ra

³¹ Trần Thái Tông, “Tựa Thiên Tông Chi Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, 1996, tr. 18. Tại đây, Trần Thái Tông kể việc trở về kinh thành, tập hợp các vị kỳ đức để tham cứu Thiên học và nghiên cứu kinh điển Đại thừa.

những quyết định phù hợp với tình thế đất nước.

Có thể nói, lời khuyên của Quốc sư Phù Vân đã giúp Trần Thái Tông chuyển hóa nỗi đau cá nhân thành ý thức phụng sự. Nhà vua không còn tìm cách rời khỏi hoàn cảnh khó khăn mà chủ động quay lại đối diện với hoàn cảnh ấy. Đây là sự chuyển biến từ một người tìm đường giải thoát cho riêng mình thành một người nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm đối với cộng đồng.

3.2. Thực hành tư tưởng lấy dân làm gốc trong việc trị quốc và giáo hóa

3.2.1. Xem quyền lực là trách nhiệm đối với nhân dân

Sau khi trở về kinh thành, Trần Thái Tông tiếp tục thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu đất nước. Ông cùng triều đình từng bước củng cố bộ máy nhà nước, ổn định đời sống xã hội và tạo dựng nền tảng cho sự phát triển lâu dài của triều Trần.

Từ lời khuyên “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình”, quyền lực của nhà vua không còn được nhìn nhận đơn thuần như đặc quyền của một người thuộc hoàng tộc. Quyền lực trước hết là trách nhiệm đối với nhân dân. Nhà vua phải biết dân đang lo lắng điều gì, mong muốn điều gì và sử dụng khả năng của mình để đáp ứng những nhu cầu chính đáng ấy.

Trong hoàn cảnh Đại Việt đầu thời Trần, nguyện vọng căn bản của nhân dân là được sống trong một xã hội ổn định, có điều kiện lao động, sản xuất và không bị đe dọa bởi xung đột trong triều đình hoặc ngoại xâm. Vì vậy, trách nhiệm của Trần Thái Tông trước hết là duy trì trật tự, củng cố chính quyền và hạn chế những biến động có thể làm tổn hại đến đời sống dân chúng.

Sự ổn định của triều đình không chỉ phục vụ sự tồn tại của dòng họ Trần mà còn liên quan trực tiếp đến cuộc sống của toàn xã hội. Khi người đứng đầu quốc gia từ bỏ trách nhiệm hoặc khi nội bộ triều đình xảy ra tranh chấp kéo dài, nhân dân thường là những người phải chịu hậu quả nặng nề nhất. Chính vì nhận thức được điều đó, Trần Thái Tông đã đặt trách nhiệm chung lên trên nỗi đau và mong muốn riêng.

Từ góc độ Phật giáo, việc lấy dân làm gốc còn thể hiện sự mở rộng của lòng từ bi. Nhà vua không chỉ quan tâm đến một cá nhân hay một nhóm người mà phải hướng sự quan tâm đến toàn thể cộng đồng. Nỗi khổ của dân phải trở thành nỗi lo của người lãnh đạo; sự bình an của dân phải trở thành mục tiêu của việc trị nước.

3.2.2. Chú trọng giáo dục đạo đức cho người kế vị

Một biểu hiện đáng chú ý trong hoạt động trị nước của Trần Thái Tông là sự quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho các hoàng tử. Năm 1251, nhà vua tự viết bài minh ban cho các hoàng tử, dạy về các phẩm chất trung, hiếu, hòa, tốn, ôn, lượng, cung và kiệm.³²

Những phẩm chất ấy vừa mang nội dung đạo đức gia đình, vừa có ý nghĩa đối với việc đào tạo người lãnh đạo. “Trung” là ý thức trách nhiệm đối với đất nước và bổn phận được giao; “hiếu” là sự biết ơn đối với cha mẹ, tổ tiên; “hòa” và “tốn” là tinh thần hòa thuận, khiêm nhường; “ôn” và “lượng” là sự ôn hòa, khoan dung; “cung” và “kiệm” là thái độ cung kính, tiết chế và không xa hoa.

Việc nhà vua trực tiếp viết lời giáo huấn cho các hoàng tử cho thấy ông nhận thức rằng sự bền vững của đất nước không chỉ phụ thuộc vào sức mạnh quân sự hoặc cơ cấu chính quyền. Đạo đức của người kế vị cũng có ảnh hưởng quan trọng đến vận mệnh quốc gia.

Nếu người nắm quyền thiếu lòng trung thực, sống kiêu mạn, xa hoa và chỉ quan tâm đến lợi ích riêng thì quyền lực có thể trở thành nguồn gốc của bất ổn. Ngược lại, nếu người lãnh đạo có lòng khoan dung, biết tiết kiệm và ý thức được trách nhiệm đối với cộng đồng thì quyền lực có khả năng được sử dụng đúng đắn hơn.

Nội dung bài minh cũng cho thấy sự kết hợp giữa các giá trị đạo đức truyền thống với tinh thần tu dưỡng của Phật giáo. Trần Thái Tông không phủ nhận những chuẩn mực trung, hiếu và trật tự xã hội, nhưng những chuẩn mực ấy cần được đặt trên nền tảng của sự khiêm nhường, khoan dung và tiết chế bản thân.

Giáo dục đạo đức cho người kế vị chính là một phương thức bảo đảm lợi ích lâu dài của thiên hạ. Nhà vua không chỉ giải quyết những vấn đề trước mắt mà còn chuẩn bị một thể hệ lãnh đạo có khả năng tiếp tục gánh vác việc nước. Đây là một cách cụ thể hóa tư tưởng lấy ý muốn lâu dài của nhân dân làm ý muốn của người đứng đầu.

3.2.3. Gắn trị nước với việc tự tu dưỡng

Trần Thái Tông không chỉ đặt ra yêu cầu đạo đức đối với các hoàng tử mà còn đặc biệt chú trọng quá trình tự tu dưỡng. Việc học Phật, tham cứu Thiền học và thực hành sám hối giúp ông thường xuyên nhìn lại suy nghĩ, lời nói và hành động của chính

³² Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 170.

mình.

Trong tư tưởng Phật giáo, muốn giáo hóa người khác trước hết phải biết chuyển hóa bản thân. Một người lãnh đạo chỉ yêu cầu dân chúng tuân thủ đạo đức nhưng bản thân lại sống tham lam, kiêu mạn và buông thả thì khó tạo được niềm tin. Vì vậy, việc trị nước của Trần Thái Tông có quan hệ mật thiết với ý thức tự kiểm điểm.

Tinh thần sám hối trong các trước tác của ông không chỉ mang ý nghĩa nghi lễ. Sám hối còn là khả năng nhận biết lỗi lầm, thấy rõ hậu quả của hành vi và phát nguyện sửa đổi. Đối với người có quyền lực, khả năng nhận lỗi càng quan trọng, bởi một quyết định sai lầm của người đứng đầu có thể ảnh hưởng đến nhiều người.

Từ đó có thể thấy nghệ thuật lãnh đạo trong tư tưởng Trần Thái Tông không chỉ dựa vào mệnh lệnh hay hình phạt. Người lãnh đạo còn phải lấy chính đời sống đạo đức của mình làm nền tảng giáo hóa. Sự tự tu dưỡng giúp quyền lực được soi sáng bởi lương tâm và trách nhiệm, hạn chế nguy cơ bị chi phối bởi bản ngã.

3.3. Bảo vệ đất nước là bảo vệ đời sống của nhân dân

3.3.1. Chủ động chuẩn bị trước nguy cơ ngoại xâm

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của việc Trần Thái Tông thực hành lời khuyên của Quốc sư Phù Vân là trách nhiệm bảo vệ đất nước trước cuộc xâm lược của quân Mông Cổ.

Năm 1257, khi nhận được tin quân Mông Cổ chuẩn bị tiến vào Đại Việt, triều đình nhà Trần đã chủ động triển khai lực lượng bảo vệ biên giới. Nhà vua ra lệnh cho các tướng đem quân thủy, quân bộ ngăn giữ những vị trí quan trọng; đến tháng 11, triều đình truyền lệnh cho cả nước chuẩn bị vũ khí.³³

Những quyết định ấy cho thấy Trần Thái Tông không thụ động chờ quân xâm lược tiến sâu vào lãnh thổ. Nhà vua nhận thức rõ rằng việc bảo vệ biên giới, chuẩn bị quân đội và huy động sức mạnh toàn dân là điều kiện cần thiết để bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

Dưới góc nhìn Phật giáo, việc chuẩn bị kháng chiến không đối lập tuyệt đối với tinh thần từ bi. Từ bi không có nghĩa là thụ động trước bạo lực hoặc để mặc nhân dân bị xâm hại. Khi sự sống, tài sản và nền độc lập của cộng đồng bị đe dọa, người lãnh đạo có trách nhiệm ngăn chặn hành động xâm lược và khôi phục hòa bình.

Điều quan trọng nằm ở mục đích của cuộc chiến. Nếu chiến tranh xuất phát từ

³³ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd., tr. 173–174. Phần này ghi việc triều đình chuẩn bị vũ khí, quân Mông Cổ tiến vào Bình Lệ Nguyên và Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy chiến đấu.

tham vọng mở rộng lãnh thổ, chiếm đoạt tài sản hoặc thỏa mãn lòng hiếu thắng thì trái với tinh thần từ bi. Nhưng nếu việc chiến đấu nhằm tự vệ, bảo vệ nhân dân và giữ gìn nền độc lập thì đó là trách nhiệm không thể né tránh của người đứng đầu đất nước.

3.3.2. Trực tiếp cùng quân dân chống giặc

Khi quân Mông Cổ tiến vào Bình Lệ Nguyên vào tháng 12 năm 1257, Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy quân đội chiến đấu. Sử liệu ghi nhận nhà vua thân hành đốc chiến và có mặt tại những nơi nguy hiểm. Trong tình thế quân giặc mạnh, ông cùng triều đình chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng, sau đó tổ chức phản công.³⁴

Việc nhà vua trực tiếp tham gia kháng chiến thể hiện sự thống nhất giữa trách nhiệm của người lãnh đạo với vận mệnh của nhân dân. Trần Thái Tông không đứng ngoài cuộc chiến hoặc chỉ ban hành mệnh lệnh từ nơi an toàn. Ông cùng quân đội đối diện với hiểm nguy và trực tiếp chịu trách nhiệm về những quyết định quân sự.

Trong thời điểm tình thế khó khăn, Trần Thủ Độ đã thể hiện quyết tâm không đầu hàng. Sự kiên định của Thái sư cùng quyết tâm của nhà vua và các tướng lĩnh đã góp phần củng cố tinh thần kháng chiến của triều đình.

Tuy nhiên, sự dũng cảm của Trần Thái Tông không đồng nghĩa với việc chiến đấu bằng mọi giá. Khi thấy tương quan lực lượng chưa thuận lợi, nhà vua chấp nhận rút lui chiến lược. Quyết định ấy thể hiện sự kết hợp giữa lòng can đảm và trí tuệ. Bảo vệ đất nước không chỉ cần ý chí mà còn cần khả năng đánh giá tình hình, biết tiến và biết lui đúng lúc.

Điều này phù hợp với tư tưởng từ bi đi đôi với trí tuệ đã được phân tích trong Chương 2. Nếu chỉ dựa vào lòng nhiệt thành mà thiếu sự sáng suốt, người lãnh đạo có thể đẩy quân dân vào những tổn thất không cần thiết. Trí tuệ giúp nhà vua lựa chọn phương thức có khả năng bảo vệ được nhiều người và đạt đến mục tiêu lâu dài.

3.3.3. Chiến thắng nhằm khôi phục hòa bình

Sau thời gian tạm rút lui để bảo toàn lực lượng, ngày 24 tháng 12 năm 1257 theo niên đại được ghi trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Trần Thái Tông và Hoàng thái tử chỉ huy quân đội tiến đến Đông Bộ Đầu, đánh bại quân xâm lược. Quân Mông Cổ phải rút khỏi Đại Việt.⁴

Sang đầu năm 1258, sử liệu ghi nhận rằng “trăm họ yên nghiệp như cũ”.³⁵ Chi

³⁴ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd., tr. 173–174. Phần này ghi việc triều đình chuẩn bị vũ khí, quân Mông Cổ tiến vào Bình Lệ Nguyên và Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy chiến đấu.

³⁵ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd., tr. 174. Sử liệu ghi cuộc phản công tại Đông

tiết này có ý nghĩa quan trọng vì cho thấy mục tiêu cuối cùng của cuộc kháng chiến không phải là chiến thắng quân sự tự thân, mà là khôi phục đời sống bình thường cho nhân dân.

Một chiến thắng chỉ thật sự có giá trị khi sau chiến tranh, người dân có thể trở về quê hương, tiếp tục lao động, sản xuất và xây dựng cuộc sống. Từ góc độ ấy, bảo vệ nền độc lập chính là bảo vệ điều kiện căn bản để nhân dân được sống an ổn.

Chiến thắng trước quân Mông Cổ lần thứ nhất cũng chứng minh ý nghĩa thực tiễn của việc Trần Thái Tông trở về kinh thành. Nếu nhà vua từ bỏ trách nhiệm vào năm 1236, triều đình có thể rơi vào khủng hoảng và đất nước khó hình thành được một nền tảng chính trị đủ vững chắc để đối diện với cuộc xâm lược sau đó.

Vì vậy, quyết định trở về của Trần Thái Tông không chỉ giải quyết một vấn đề của triều đình tại một thời điểm. Về lâu dài, quyết định ấy góp phần xây dựng sức mạnh quốc gia, chuẩn bị điều kiện để Đại Việt bảo vệ được nền độc lập trước một lực lượng quân sự hùng mạnh.

3.3.4. Tinh thần đoàn kết trong sự nghiệp giữ nước

Thắng lợi của cuộc kháng chiến không phải là thành quả của riêng Trần Thái Tông. Đó là kết quả của sự đoàn kết giữa nhà vua, triều đình, tướng lĩnh, quân đội và nhân dân.

Các nhân vật như Trần Thủ Độ, Lê Phụ Trần, Hà Bổng cùng nhiều tướng sĩ và dân chúng đã đóng góp vào cuộc kháng chiến. Trần Thái Tông nhận thức được vai trò ấy và có những hình thức ghi nhận công lao của người tham chiến.

Tinh thần đoàn kết này cũng là sự thể hiện của tư tưởng “tâm của thiên hạ”. Nhà vua không thể bảo vệ đất nước nếu tách rời nhân dân. Quyền lực chính trị chỉ phát huy hiệu quả khi tạo được sự đồng thuận và huy động được sức mạnh của cộng đồng.

Dưới thời Trần, mối quan hệ tương đối gắn bó giữa triều đình và nhân dân trở thành một nguồn sức mạnh quan trọng. Khi đất nước đứng trước nguy cơ ngoại xâm, sự đồng lòng của toàn xã hội giúp Đại Việt vượt qua tình thế khó khăn.

Từ đó có thể thấy tư tưởng lấy dân làm gốc không chỉ mang ý nghĩa đạo đức mà còn có giá trị thực tiễn đối với việc bảo vệ đất nước. Một triều đại biết quan tâm đến đời sống nhân dân sẽ có khả năng tập hợp lòng dân; khi lòng dân quy tụ, sức

manh bảo vệ quốc gia được củng cố.

3.4. Tinh thần khoan dung và ý thức chịu trách nhiệm của người lãnh đạo

3.4.1. *Biết nhìn lại trách nhiệm của chính mình*

Sau chiến thắng, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại câu chuyện liên quan đến tiêu hiệu Hoàng Cự Đà. Trước đó, Cự Đà không được chia phần xoài do vua ban. Khi quân xâm lược tiến đến, người này bỏ chạy và có lời nói thể hiện sự bất mãn.

Hoàng thái tử đề nghị xử tử Cự Đà để răn đe những người làm tội bất trung. Tuy nhiên, Trần Thái Tông không chỉ nhìn vào hành vi của người thuộc cấp mà còn nhận ra nguyên nhân một phần bắt nguồn từ sự thiếu sót của chính mình. Nhà vua tha tội chết và cho Cự Đà cơ hội lập công chuộc tội.³⁶

Cách giải quyết này cho thấy Trần Thái Tông không hoàn toàn sử dụng quyền lực theo tinh thần trừng phạt. Ông biết nhìn lại trách nhiệm của bản thân trước khi xử lý sai phạm của người khác. Đây là biểu hiện đáng chú ý của tinh thần phản tỉnh.

Người lãnh đạo thường có xu hướng quy trách nhiệm hoàn toàn cho cấp dưới khi xảy ra sai lầm. Trần Thái Tông, trái lại, nhận thấy hành vi của Cự Đà không xuất hiện mà không có nguyên nhân. Sự bất mãn của người thuộc cấp có liên quan đến cách hành xử thiếu công bằng trước đó của nhà vua.

Điều này không có nghĩa là phủ nhận trách nhiệm cá nhân của Cự Đà. Nhà vua vẫn xác định hành vi bỏ chạy trước giặc là một lỗi nghiêm trọng. Tuy nhiên, thay vì chỉ dùng hình phạt cao nhất, ông lựa chọn phương thức vừa thể hiện kỷ cương, vừa tạo cơ hội cho người phạm lỗi sửa đổi.

3.4.2. *Khoan dung không đồng nghĩa với buông lỏng kỷ cương*

Lòng khoan dung của Trần Thái Tông trong trường hợp Hoàng Cự Đà không phải là sự mềm yếu. Ông không cho rằng hành vi bất trung là đúng, mà chỉ lựa chọn một hình thức xử lý có tính giáo dục hơn.

Khoan dung chân chính phải đi cùng trách nhiệm. Nếu người lãnh đạo bỏ qua mọi sai phạm thì trật tự xã hội sẽ bị suy yếu. Ngược lại, nếu chỉ sử dụng hình phạt mà không xem xét nguyên nhân và khả năng chuyển hóa của con người thì quyền lực có thể trở nên khắc nghiệt.

Cách xử lý của Trần Thái Tông thể hiện sự kết hợp giữa từ bi và trí tuệ. Từ bi

³⁶ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd., tr. 174. Phần này ghi việc Trần Thái Tông tha tội chết cho Hoàng Cự Đà, nhận một phần trách nhiệm về mình và cho người phạm lỗi cơ hội đánh giặc chuộc tội.

giúp ông không vội tước đoạt sinh mạng của người phạm lỗi; trí tuệ giúp ông nhận ra rằng cho người ấy cơ hội chuộc tội có thể đem lại lợi ích thiết thực hơn cho đất nước.

Ở đây, tinh thần sám hối và chuyển hóa của Phật giáo được đưa vào cách ứng xử chính trị. Con người có thể phạm sai lầm nhưng không vì thế mà mất hoàn toàn khả năng sửa đổi. Điều quan trọng là phải nhận biết lỗi lầm, chịu trách nhiệm và có hành động khắc phục.

3.4.3. Lãnh đạo bằng sự cảm hóa

Từ trường hợp trên, có thể nhận thấy Trần Thái Tông không chỉ dựa vào uy quyền để điều hành đất nước. Ông còn chú trọng sự cảm hóa, dùng thái độ nhận lỗi và lòng khoan dung để khuyến khích người khác thay đổi.

Sự cảm hóa có khả năng tạo nên lòng trung thành bền vững hơn sự sợ hãi. Một người phục tùng chỉ vì sợ hình phạt có thể thay đổi thái độ khi quyền lực suy yếu. Ngược lại, người được đối xử công bằng và nhân hậu có thể tự nguyện đóng góp cho cộng đồng.

Quan điểm này phù hợp với tinh thần lấy tâm của thiên hạ làm tâm mình. Muốn cảm hóa con người, người lãnh đạo cần hiểu tâm lý, hoàn cảnh và nguyên nhân dẫn đến hành vi của họ. Chỉ khi biết đặt mình vào vị trí của người khác, nhà vua mới có thể lựa chọn cách xử lý vừa bảo đảm kỷ cương, vừa tôn trọng con người.

3.5. Truyền ngôi và thái độ đối với quyền lực

3.5.1. Chủ động chuẩn bị sự chuyển giao

Sau khi cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất kết thúc, tháng 2 năm 1258, Trần Thái Tông nhường ngôi cho Hoàng thái tử Trần Hoảng, tức Trần Thánh Tông, và lui về giữ vai trò Thái thượng hoàng.³⁷

Việc truyền ngôi khi người kế vị đã trưởng thành là một phương thức được nhà Trần sử dụng nhằm chuẩn bị sự chuyển giao quyền lực trong điều kiện ổn định. Vị vua mới trực tiếp điều hành triều chính, trong khi Thái thượng hoàng tiếp tục hỗ trợ và truyền đạt kinh nghiệm.

Việc làm này giúp hạn chế nguy cơ tranh chấp khi nhà vua qua đời đột ngột. Người kế vị được làm quen với công việc trị nước trong khi vẫn nhận được sự hướng dẫn từ thế hệ trước. Nhờ đó, tính liên tục của bộ máy nhà nước được duy trì.

³⁷ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd., tr. 174–175. Tác phẩm ghi việc Trần Thái Tông nhường ngôi cho Hoàng thái tử Trần Hoảng vào tháng 2 năm 1258 và trình bày vai trò của Thái thượng hoàng trong gia pháp nhà Trần.

Trong trường hợp Trần Thái Tông, việc truyền ngôi diễn ra sau khi đất nước vừa vượt qua một cuộc chiến tranh. Điều đó cho thấy ông quan tâm đến sự ổn định lâu dài của triều đại và quốc gia, chứ không chỉ cố gắng duy trì quyền lực của cá nhân.

3.5.2. Không tuyệt đối hóa ngai vàng

Việc Trần Thái Tông từng rời bỏ kinh thành lên Yên Tử và sau đó chủ động truyền ngôi cho con cho thấy ông không xem ngai vàng là giá trị tuyệt đối. Tuy nhiên, không nên vì thế mà cho rằng nhà vua hoàn toàn rút khỏi đời sống chính trị sau năm 1258.

Theo cách thức tổ chức của nhà Trần, Thái thượng hoàng vẫn có vai trò quan trọng trong việc cố vấn và cùng nhà vua giải quyết những vấn đề lớn.³⁸ Như vậy, truyền ngôi không phải là từ bỏ toàn bộ trách nhiệm mà là chuyển sang một vị trí khác, vừa hỗ trợ người kế vị, vừa bảo đảm sự ổn định của đất nước.

Điều đáng chú ý là Trần Thái Tông không giữ ngai vàng cho đến cuối đời chỉ để thỏa mãn nhu cầu quyền lực. Ông chấp nhận trao vị trí chính thức cho thế hệ sau khi người kế vị đã có khả năng đảm đương trách nhiệm.

Dưới góc nhìn Phật giáo, đây có thể được xem là biểu hiện của nhận thức về tính vô thường của địa vị. Quyền lực cũng như mọi hiện tượng khác đều không tồn tại vĩnh viễn. Người lãnh đạo sáng suốt cần biết khi nào nên đảm nhận, khi nào nên chuyển giao và không đồng nhất toàn bộ giá trị của bản thân với chức vị.

3.5.3. Quyền lực là phương tiện, không phải mục đích cuối cùng

Qua cuộc đời Trần Thái Tông, có thể nhận thấy quyền lực được đặt trong mối quan hệ với trách nhiệm. Khi đất nước cần, ông trở về đảm nhận ngôi vua; khi người kế vị đã trưởng thành, ông truyền ngôi nhưng vẫn tiếp tục hỗ trợ việc nước.

Cách hành xử ấy cho thấy quyền lực chỉ có ý nghĩa khi phục vụ một mục tiêu lớn hơn là sự ổn định và phát triển của quốc gia. Nếu quyền lực trở thành mục đích cuối cùng, người lãnh đạo sẽ tìm mọi cách giữ lấy địa vị, kể cả khi việc đó gây tổn hại đến cộng đồng.

Tinh thần vô ngã trong lãnh đạo không đòi hỏi người đứng đầu phải từ bỏ ngay mọi chức vụ. Điều cần thiết là không bị chức vụ chi phối, biết sử dụng quyền lực đúng lúc và sẵn sàng chuyển giao khi điều đó có lợi cho đất nước.

³⁸ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd., tr. 174–175. Tác phẩm ghi việc Trần Thái Tông nhường ngôi cho Hoàng thái tử Trần Hoảng vào tháng 2 năm 1258 và trình bày vai trò của Thái thượng hoàng trong gia pháp nhà Trần.

Trần Thái Tông đã không chạy trốn trách nhiệm khi đất nước cần ông, đồng thời cũng không cố chấp vào ngại vàng khi việc chuyển giao đã trở nên thích hợp. Sự cân bằng ấy thể hiện một thái độ tương đối tinh thức đối với quyền lực.

3.6. Tiếp tục tu học và đóng góp cho Đạo pháp

3.6.1. Không sao nhãng việc nghiên cứu nội điển

Quốc sư Phù Vân khuyên Trần Thái Tông trở về trị nước nhưng vẫn căn dặn nhà vua không được sao nhãng việc nghiên cứu nội điển. Trần Thái Tông đã thực hiện đồng thời cả hai phương diện của lời khuyên ấy.

Theo phần tự thuật trong *Thiền Tông Chỉ Nam Tụ*, sau khi trở về kinh thành, trong khoảng hơn mười năm, khi có thời gian rảnh, Trần Thái Tông thường tập hợp những bậc có đạo đức để tham cứu Thiền học, hỏi đạo và nghiên cứu các kinh điển Đại thừa.³⁹

Chi tiết này cho thấy việc học Phật của Trần Thái Tông không phải là một hứng thú nhất thời phát sinh trong lúc đau khổ. Sau khi trở lại với công việc triều chính, ông vẫn duy trì sự tu học một cách lâu dài.

Nhà vua không giới hạn việc học ở một hệ thống giáo lý duy nhất mà tiếp cận nhiều kinh điển Đại thừa và tham vấn các bậc Thiền đức. Quá trình ấy giúp tư tưởng của ông ngày càng trưởng thành, từ những suy tư về vô thường và khổ đau đến những nhận thức sâu sắc hơn về bản tâm và Thiền học.

Việc duy trì đời sống tu học giữa công việc triều chính còn cho thấy sự tự giác cao của Trần Thái Tông. Người làm vua có nhiều điều kiện hưởng thụ và cũng phải đối diện với nhiều công việc phức tạp. Nếu không có quyết tâm, việc nghiên cứu và thực hành Phật pháp rất dễ bị quyền lực và đời sống cung đình lấn át.

3.6.2. Từ trải nghiệm cá nhân đến trước tác Phật giáo

Quá trình học hỏi và tu tập đã được Trần Thái Tông chuyển hóa thành hoạt động trước tác. Những tác phẩm gắn với tên tuổi ông đề cập đến các vấn đề như Thiền học, giới luật, niệm Phật, tọa thiền, sám hối, vô thường và sự chuyển hóa nội tâm.

Trong đó, *Khóa Hư Lục* là tác phẩm tiêu biểu. Đây không phải là một công trình chỉ trình bày lý thuyết Phật học, mà còn phản ánh những trải nghiệm thực tế của một con người từng sống giữa quyền lực, biến động gia đình, chiến tranh và trách

³⁹ Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Sdd., tr. 18; xem phần giảng giải của Thích Thanh Từ, tr. 34–35.

nhiệm quốc gia.

Các nội dung như *Tứ Sơn*, *Phổ Thuyết Sắc Thân*, *Khuyến Phát Tâm Văn*, các bài luận về giới, định, tuệ và *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi* hướng người đọc đến sự tỉnh thức, nhận biết tính vô thường và tinh tấn tu tập. Nguyễn Lang nhận định các tác phẩm của Trần Thái Tông mang nhu yếu đánh thức con người, chứ không biểu hiện thái độ bi quan, yếm thế; chính cuộc đời tích cực dựng nước và trị dân của nhà vua là bằng chứng cho tinh thần nhập thế đó.⁴⁰

Đặc biệt, việc Trần Thái Tông chú trọng sám hối cho thấy ông không xem mình là người đứng ngoài những sai lầm của thời đại. Dù nhiều biến cố trong hoàng tộc do Trần Thủ Độ trực tiếp sắp đặt, nhà vua vẫn cảm nhận trách nhiệm đạo đức của bản thân và dòng họ.

Sám hối trong tư tưởng Trần Thái Tông không dừng lại ở việc xin tha thứ. Đó là quá trình thanh lọc tâm thức, cảnh tỉnh bản thân và phát nguyện sống tốt hơn. Chính tinh thần ấy giúp các trước tác của ông có chiều sâu trải nghiệm, không chỉ là những lời khuyên dành cho người khác.

3.6.3. Đóng góp cho sự phát triển của Phật giáo thời Trần

Trần Thái Tông có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng nền tảng tư tưởng cho Phật giáo thời Trần. Ông chưa phải là người chính thức sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, nhưng tư tưởng kết hợp giữa tu hành và trách nhiệm đối với xã hội của ông đã chuẩn bị những điều kiện quan trọng cho sự ra đời của dòng thiền này về sau.

Quan niệm “Phật ở trong tâm” giúp giảm bớt sự phân biệt cứng nhắc giữa người xuất gia và người tại gia trong khả năng tu tập. Vua, quan hay dân thường đều có thể quay về chuyển hóa tâm mình. Tu hành không chỉ được thực hiện trong chùa viện mà còn có thể diễn ra trong công việc và trách nhiệm hằng ngày.

Đây là một quan điểm phù hợp với hoàn cảnh Đại Việt. Một đất nước thường xuyên phải đối diện với nguy cơ ngoại xâm cần một nền Phật giáo có khả năng gắn bó với đời sống dân tộc. Người học Phật không thể hoàn toàn đứng ngoài những vấn đề của đất nước và nhân dân.

Những trước tác của Trần Thái Tông vừa hướng dẫn tu tập, vừa góp phần xây dựng đời sống đạo đức của xã hội. Các nội dung về năm giới, sám hối, tiết chế dục

⁴⁰ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Chương X: “Trần Thái Tông (1218–1277)”, các mục “Khóa Hư Lục”, “Nhu yếu tỉnh thức” và “Nhu yếu tỉnh chuyên”. Nguyễn Lang trình bày nội dung các trước tác, đồng thời nhận định tinh thần ý thức vô thường của Trần Thái Tông không dẫn đến bi quan mà gắn với hoạt động tích cực dựng nước và trị dân.

vọng và tinh thức có ý nghĩa không chỉ đối với người xuất gia mà còn đối với mọi tầng lớp.

Bằng cách sử dụng vị trí và khả năng trước tác của mình để truyền bá tư tưởng Phật giáo, Trần Thái Tông đã đóng góp cho Đạo pháp không chỉ bằng sự bảo trợ vật chất mà còn bằng chính trải nghiệm, trí tuệ và đời sống tu học của ông.

3.7. Sự thống nhất giữa phụng sự Đạo pháp và phụng sự Dân tộc

3.7.1. Phụng sự Dân tộc là thực hành tinh thần từ bi

Qua hoạt động trị nước và bảo vệ Đại Việt, Trần Thái Tông cho thấy phụng sự Dân tộc có thể trở thành một hình thức thực hành tinh thần từ bi của Phật giáo.

Từ bi không chỉ nằm trong ý nghĩ hoặc lời nói mà phải được thể hiện qua hành động làm giảm bớt khổ đau. Đối với một vị vua, hành động từ bi có quy mô rộng lớn nhất là tạo điều kiện để nhân dân được sống trong hòa bình, ổn định và có cơ hội xây dựng cuộc sống.

Khi Trần Thái Tông củng cố triều chính, giáo dục người kế vị, tổ chức chống ngoại xâm và khôi phục đời sống sau chiến tranh, ông đang thực hiện trách nhiệm đối với hàng triệu con người trong quốc gia.

Việc bảo vệ nền độc lập cũng chính là bảo vệ sự sống, văn hóa và quyền tự quyết của dân tộc. Nếu đất nước bị xâm chiếm và nhân dân rơi vào chiến tranh, những điều kiện để tu học và phát triển Đạo pháp cũng bị tổn hại.

Do đó, phụng sự Dân tộc không phải là một nhiệm vụ hoàn toàn nằm ngoài Phật giáo. Khi được thực hiện với động cơ bảo vệ con người và đem lại hòa bình, đó là sự cụ thể hóa lòng từ bi trong đời sống xã hội.

3.7.2. Phụng sự Đạo pháp góp phần xây dựng nền tảng đạo đức của đất nước

Ngược lại, việc nghiên cứu và thực hành Phật pháp giúp Trần Thái Tông xây dựng nền tảng tinh thần cho hoạt động trị nước. Giáo lý về vô thường nhắc nhà vua không quá tham đắm quyền lực; vô ngã giúp ông biết giảm bớt lợi ích cá nhân; từ bi định hướng ông quan tâm đến đời sống nhân dân; trí tuệ giúp ông lựa chọn phương thức hành động phù hợp.

Phật pháp còn đặt ra yêu cầu phản tỉnh đối với người lãnh đạo. Người nắm quyền phải thường xuyên nhìn lại động cơ và hậu quả của quyết định. Nếu không có khả năng tự kiểm điểm, quyền lực dễ dẫn đến kiêu mạn và lạm dụng.

Các trước tác của Trần Thái Tông về giới luật, sám hối và tu tâm cũng góp

phần giáo dục đạo đức xã hội. Một quốc gia không thể chỉ được xây dựng bằng luật pháp và sức mạnh quân sự. Sự ổn định lâu dài còn cần đến ý thức đạo đức, tinh thần trách nhiệm và khả năng tự điều chỉnh của mỗi con người.

Như vậy, phụng sự Đạo pháp không tách rời việc xây dựng con người và xã hội. Khi Phật giáo giúp con người sống lương thiện, biết tiết chế lòng tham, tôn trọng sự sống và có trách nhiệm với cộng đồng, Đạo pháp đang trực tiếp đóng góp cho sự phát triển của dân tộc.

3.7.3. Đạo pháp tồn tại trong lòng Dân tộc

Cuộc đời Trần Thái Tông cho thấy Đạo pháp không tồn tại trong một không gian biệt lập với lịch sử dân tộc. Phật giáo được tiếp nhận, thực hành và phát triển trong chính hoàn cảnh của đất nước Đại Việt.

Các vấn đề mà Trần Thái Tông đối diện không phải là những câu hỏi thuần túy tôn giáo. Đó là sự giằng co giữa trách nhiệm cá nhân và vận mệnh quốc gia, giữa lòng từ bi và yêu cầu chống ngoại xâm, giữa khát vọng giải thoát và bổn phận trị nước.

Chính trong quá trình giải quyết những vấn đề ấy, Phật giáo thời Trần đã hình thành một bản sắc nhập thế rõ nét. Đạo Phật không chỉ hướng con người đến sự giải thoát khỏi khổ đau mà còn giúp họ có thái độ đứng đắn trước trách nhiệm xã hội.

Nguyễn Lang nhận xét rằng các vua đầu triều Trần đều có nền tảng Phật học, đồng thời việc ủng hộ Phật giáo còn góp phần liên kết nhân tâm trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.⁴¹ Nhận định này cho thấy Phật giáo thời Trần không chỉ là niềm tin cá nhân của các vị vua mà còn có quan hệ với sự đoàn kết và ổn định của quốc gia.

Trần Thái Tông là một trong những người mở đầu cho khuynh hướng ấy. Ông không chỉ học Phật trong tư cách cá nhân mà còn chuyển hóa những giá trị Phật giáo thành nguyên tắc sống và lãnh đạo.

3.8. Đánh giá quan điểm phụng sự Đạo pháp – Dân tộc của Trần Thái Tông

3.8.1. Giá trị lịch sử

Trước hết, quan điểm phụng sự Đạo pháp – Dân tộc của Trần Thái Tông có giá trị trong việc góp phần ổn định Đại Việt vào buổi đầu nhà Trần.

Sự trở về của nhà vua sau chuyến đi Yên Tử giúp hạn chế nguy cơ khủng hoảng

⁴¹ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Chương XVI: “Tổng luận về Phật giáo đời Trần”, phần nhận định về nền tảng Phật học của các vua đầu triều Trần và vai trò của Phật giáo trong việc liên kết nhân tâm để xây dựng, bảo vệ đất nước.

quyền lực. Trong những năm tiếp theo, Trần Thái Tông cùng triều đình xây dựng được nền tảng đủ vững chắc để đất nước đối diện với cuộc xâm lược của quân Mông Cổ.

Việc nhà vua trực tiếp lãnh đạo kháng chiến và sau đó khôi phục đời sống nhân dân là minh chứng cụ thể cho tinh thần lấy tâm thiên hạ làm tâm mình. Ý nghĩa của lời khuyên không chỉ tồn tại trong tư tưởng mà được kiểm chứng trong hoạt động lịch sử.

Bên cạnh đó, việc truyền ngôi và tiếp tục giữ vai trò Thái thượng hoàng góp phần xây dựng phương thức chuyển giao quyền lực đặc trưng của nhà Trần. Dù phương thức này có những giới hạn nhất định, nó giúp thế hệ kế vị sớm được rèn luyện và bảo đảm sự liên tục trong lãnh đạo.

3.8.2. Giá trị tư tưởng và đạo đức

Quan điểm của Trần Thái Tông có giá trị ở chỗ đặt quyền lực dưới sự định hướng của đạo đức. Người làm vua không được xem ý muốn của mình là trung tâm tuyệt đối mà phải hướng suy nghĩ và hành động đến lợi ích chung.

Tư tưởng ấy tạo ra một cơ chế tự kiểm soát từ bên trong đối với người lãnh đạo. Trong điều kiện xã hội quân chủ chưa có những cơ chế kiểm soát quyền lực như ngày nay, sự tự tu dưỡng, lòng thương dân và khả năng phản tỉnh có vai trò đặc biệt quan trọng.

Việc kết hợp từ bi với trí tuệ cũng giúp tránh hai khuynh hướng cực đoan. Từ bi không biến thành sự nhu nhược trước nguy cơ ngoại xâm; trí tuệ và sức mạnh chính trị cũng không trở thành sự tàn bạo, xa rời con người.

Đặc biệt, tư tưởng “Phật ở trong tâm” mở rộng không gian tu hành. Con người có thể tu tập ngay trong bốn phận hiện tại, miễn là biết chuyển hóa nội tâm và hành động vì lợi ích của người khác.

3.8.3. Giá trị đối với truyền thống Phật giáo Việt Nam

Trần Thái Tông đã góp phần xây dựng hình ảnh một nền Phật giáo gắn bó với dân tộc, có khả năng tham gia giải quyết những vấn đề thực tế của xã hội.

Tinh thần ấy được tiếp tục phát triển dưới thời Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm. Đặc biệt, lý tưởng cư trần hành đạo về sau thể hiện rõ quan niệm sống giữa cuộc đời nhưng vẫn giữ được tâm tĩnh thức và tinh thần giải thoát.

Những tác phẩm của Trần Thái Tông tạo nên một phần quan trọng của di sản

văn hóa và tư tưởng Phật giáo Việt Nam. Chúng vừa có giá trị tôn giáo, vừa có giá trị văn học, đạo đức và lịch sử.

Sự nghiệp của ông chứng minh rằng một người lãnh đạo có thể đồng thời là người tu học, miễn là sự tu học không trở thành lý do để trốn tránh trách nhiệm và quyền lực không làm mất đi đời sống tâm linh.

3.8.4. Một số giới hạn cần nhìn nhận

Dù có nhiều giá trị, quan điểm và hoạt động của Trần Thái Tông vẫn cần được đặt trong hoàn cảnh lịch sử của chế độ quân chủ thế kỷ XIII.

Khái niệm “ý muốn của thiên hạ” khi ấy chưa được thể hiện qua những hình thức tham gia chính trị rộng rãi của người dân. Việc nhận biết ý muốn của thiên hạ phần lớn phụ thuộc vào nhận thức, đạo đức và sự giải thích của nhà vua cùng triều đình.

Do đó, tư tưởng lấy dân làm gốc vẫn chủ yếu là một yêu cầu đạo đức đối với người cầm quyền, chưa trở thành một cơ chế thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân theo ý nghĩa hiện đại.

Bên cạnh đó, cuộc đời Trần Thái Tông cũng gắn với những biến cố phức tạp trong hoàng tộc, đặc biệt là các sự việc do Trần Thủ Độ sắp đặt. Không nên vì đánh giá cao những đóng góp của nhà vua mà bỏ qua những mâu thuẫn đạo đức ấy.

Tuy nhiên, giá trị của Trần Thái Tông nằm ở khả năng phản tỉnh và chuyển hóa. Ông không phải là một con người hoàn toàn không có sai lầm, mà là người biết đau khổ trước nghịch cảnh, tìm kiếm con đường tu dưỡng và từng bước biến trải nghiệm cá nhân thành trách nhiệm phụng sự.

3.9. Ý nghĩa đối với người học Phật và người lãnh đạo hiện nay

Mặc dù thuộc về một hoàn cảnh lịch sử đã qua, tư tưởng của Trần Thái Tông vẫn gợi mở nhiều bài học cho xã hội hiện nay.

Đối với người lãnh đạo, bài học quan trọng nhất là phải biết đặt lợi ích của cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Quyền lực chỉ có giá trị khi được sử dụng để giải quyết những khó khăn thực tế của người dân và xây dựng một xã hội ổn định, công bằng.

Lấy tâm của thiên hạ làm tâm mình đòi hỏi người lãnh đạo phải biết lắng nghe và tiếp xúc với đời sống thực tế. Việc chỉ dựa trên báo cáo hoặc những thông tin đã được lựa chọn có thể khiến người đứng đầu xa rời nguyện vọng của nhân dân.

Người lãnh đạo cũng cần có khả năng nhận lỗi và chịu trách nhiệm. Câu chuyện

Trần Thái Tông nhận ra phần lỗi của mình trong trường hợp Hoàng Cự Đà cho thấy sự phản tỉnh không làm suy giảm uy tín, mà có thể tạo nên sự cảm hóa và niềm tin.

Đối với Tăng Ni và Phật tử, cuộc đời Trần Thái Tông cho thấy tu hành không thể chỉ giới hạn trong nghi lễ hoặc việc tìm kiếm sự bình an cá nhân. Người học Phật cần thể hiện giáo lý bằng cách sống có trách nhiệm, giúp đỡ cộng đồng và đóng góp vào những công việc có lợi cho xã hội.

Tinh thần nhập thế không có nghĩa là chạy theo danh vọng hoặc quyền lực. Đó là việc sống giữa cuộc đời nhưng biết giữ gìn chánh niệm, không để lòng tham chi phối và dùng khả năng của mình để giảm bớt khổ đau cho người khác.

Đối với thế hệ trẻ, tư tưởng phụng sự Đạo pháp – Dân tộc nhắc nhở mỗi người phải biết kết hợp giữa lý tưởng cá nhân với trách nhiệm chung. Việc học tập, rèn luyện và phát triển năng lực không chỉ nhằm đạt được lợi ích cho bản thân mà còn cần hướng đến sự đóng góp cho gia đình, xã hội và đất nước.

TỔNG KẾT

Trần Thái Tông là một nhân vật có vị trí đặc biệt trong lịch sử dân tộc và lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ông vừa là vị vua mở đầu triều Trần, có nhiều đóng góp trong quá trình củng cố chính quyền, ổn định xã hội và bảo vệ nền độc lập của Đại Việt, vừa là một thiền gia, nhà tư tưởng và tác giả Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng. Cuộc đời Trần Thái Tông thể hiện rõ sự gặp gỡ giữa trách nhiệm chính trị với lý tưởng tu hành, giữa việc phụng sự đất nước với việc thực hành giáo lý Phật giáo.

Thông qua việc nghiên cứu lời khuyên của Quốc sư Phù Vân trong *Thiền Tông Chỉ Nam Tự*: “Phàm là đáng minh quân, bệ hạ hãy lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”, bài tiểu luận đã làm rõ nội dung tư tưởng, giá trị đạo đức và ý nghĩa thực tiễn của lời nói này đối với cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông.

Ở Chương 1, bài viết đã khái quát bối cảnh lịch sử, đời sống Phật giáo Đại Việt thời Trần, cuộc đời Trần Thái Tông và vị trí của tác phẩm *Khóa Hư Lục*. Phật giáo thời Trần không tồn tại biệt lập với xã hội mà có sự gắn bó mật thiết với đời sống chính trị, văn hóa và vận mệnh dân tộc. Nhiều vị vua và thiền sư thời Trần đã thể hiện tinh thần nhập thế, đưa những giá trị từ bi, vô ngã, vị tha và trí tuệ vào hoạt động xây dựng đất nước.

Trần Thái Tông lên ngôi trong hoàn cảnh triều đại mới được thành lập và phải

đối diện với nhiều khó khăn. Bên cạnh trách nhiệm chính trị, ông còn trải qua những biến cố sâu sắc trong đời sống gia đình và hoàng tộc. Việc Trần Thủ Độ sắp đặt để nhà vua lấy Thuận Thiên công chúa đã khiến Trần Thái Tông đau khổ, bế tắc và quyết định rời kinh thành lên núi Yên Tử tìm đường cầu Phật.

Tại Yên Tử, Quốc sư Phù Vân đã chỉ cho Trần Thái Tông thấy rằng “trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng”. Lời dạy này giúp nhà vua nhận ra rằng sự tu hành không nhất thiết phụ thuộc vào việc rời bỏ cung điện hay tìm đến nơi núi rừng thanh vắng. Điều quan trọng là con người phải biết quay về chuyển hóa nội tâm, nhận diện bản tâm và thực hành đạo ngay trong hoàn cảnh hiện tại.

Trên cơ sở đó, Quốc sư khuyên Trần Thái Tông trở về kinh thành, tiếp tục gánh vác trách nhiệm đối với đất nước và nhân dân. Cuộc gặp gỡ này đã tạo nên bước chuyển quan trọng trong nhận thức của nhà vua. Trần Thái Tông không còn xem việc làm vua và việc tu hành là hai con đường hoàn toàn đối lập, mà nhận ra rằng việc trị nước, an dân và bảo vệ quốc gia cũng có thể trở thành một phương diện của con đường hành đạo.

Ở Chương 2, bài viết đã tập trung phân tích nội dung tư tưởng trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân. Trước hết, “tâm của thiên hạ” được hiểu là những nỗi lo, tình cảm, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân. Người lãnh đạo lấy tâm của thiên hạ làm tâm mình phải biết đặt mình vào hoàn cảnh của dân chúng, biết lo trước nỗi lo của dân và hướng hoạt động trị nước đến việc đem lại sự bình an cho cộng đồng.

Tư tưởng này thể hiện quan niệm lấy dân làm gốc. Đất nước không chỉ là triều đình hoặc một dòng họ cầm quyền mà trước hết là toàn thể nhân dân đang sinh sống, lao động và bảo vệ quốc gia. Một triều đại chỉ có thể tồn tại bền vững khi biết chăm lo đời sống nhân dân và tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

Tuy nhiên, tư tưởng lấy dân làm gốc trong lời khuyên của Quốc sư Phù Vân không chỉ mang ý nghĩa chính trị. Khi được đặt trên nền tảng giáo lý Phật giáo, tư tưởng ấy còn mang nội dung nhân bản sâu sắc. Nhân dân không chỉ là lực lượng giúp duy trì quyền lực của triều đình mà còn là những con người có khổ đau, nhu cầu và phẩm giá cần được tôn trọng.

“Lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” yêu cầu người lãnh đạo phải đặt lợi ích của quốc gia và cộng đồng lên trên mong muốn cá nhân. Trong hoàn cảnh của Trần Thái Tông, ý muốn cá nhân của nhà vua là rời bỏ ngai vàng để tìm sự giải

thoát. Tuy nhiên, nguyện vọng căn bản của nhân dân là đất nước có người lãnh đạo, triều đình được ổn định và đời sống xã hội không rơi vào rối loạn. Vì vậy, Trần Thái Tông đã gác lại mong muốn riêng để tiếp tục đảm nhận trách nhiệm chung.

Dưới góc độ Phật giáo, sự lựa chọn này thể hiện tinh thần vô ngã và vị tha. Vô ngã không phải là phủ nhận cá nhân mà là không xem cái tôi và quyền lợi riêng của mình như trung tâm tuyệt đối. Vị tha là biết hành động vì lợi ích của người khác và cộng đồng. Chỉ khi giảm bớt sự chi phối của bản ngã, người lãnh đạo mới có thể thật sự lấy ý muốn của thiên hạ làm mục tiêu hành động.

Lời khuyên của Quốc sư Phù Vân cũng thể hiện tinh thần từ bi và trí tuệ. Từ bi giúp người lãnh đạo biết cảm thông với khổ đau của nhân dân và xác định mục tiêu làm giảm bớt những khổ đau ấy. Trí tuệ giúp người lãnh đạo nhận biết lợi ích chân chính, lâu dài của đất nước và lựa chọn phương thức hành động phù hợp.

“Ý muốn của thiên hạ” không nên được hiểu là mọi mong muốn nhất thời của số đông. Đó phải là lợi ích căn bản và lâu dài của cộng đồng, bao gồm hòa bình, độc lập, ổn định, đời sống an toàn và điều kiện phát triển. Vì vậy, người lãnh đạo không chỉ cần biết lắng nghe mà còn phải có bản lĩnh, trí tuệ và tầm nhìn để nhận biết đâu là lợi ích chung thực sự.

Qua lời khuyên của Quốc sư Phù Vân, quyền lực cũng được nhìn nhận theo một cách thức mới. Quyền lực không phải là đặc quyền để người lãnh đạo thỏa mãn tham vọng, mà là trách nhiệm và phương tiện phụng sự cộng đồng. Người nắm giữ quyền lực càng lớn thì càng phải tự tu dưỡng, phản tỉnh và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Ở Chương 3, bài viết đã khảo sát việc Trần Thái Tông tiếp nhận và thực hành lời khuyên của Quốc sư Phù Vân trong hoạt động trị nước, an dân, bảo vệ đất nước và phát triển Đạo pháp. Sau khi trở về kinh thành, Trần Thái Tông vẫn tiếp tục nghiên cứu kinh điển, tham cứu Thiền học và học hỏi các bậc có đạo đức. Điều đó cho thấy ông đã thực hiện đầy đủ lời dạy của Quốc sư: vừa gánh vác việc nước, vừa không sao nhãng việc nghiên cứu nội điển.

Trong hoạt động trị nước, Trần Thái Tông chú trọng giáo dục đạo đức cho các hoàng tử và người kế vị. Những phẩm chất trung, hiếu, hòa, tôn, ôn, lượng, cung và kiệm không chỉ là chuẩn mực đạo đức cá nhân mà còn là những yêu cầu cần thiết đối với người lãnh đạo. Nhà vua nhận thức rằng sự bền vững của đất nước không chỉ phụ thuộc vào tổ chức chính quyền hoặc sức mạnh quân sự mà còn phụ thuộc vào phẩm

chất đạo đức của người cầm quyền.

Trần Thái Tông cũng gắn việc trị nước với quá trình tự tu dưỡng. Tinh thần sám hối trong các trước tác của ông thể hiện khả năng nhìn lại bản thân, nhận biết lỗi lầm và phát nguyện sửa đổi. Đối với người có quyền lực, khả năng phản tỉnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi một quyết định sai lầm của người đứng đầu có thể ảnh hưởng đến đời sống của nhiều người.

Trước cuộc xâm lược của quân Mông Cổ, Trần Thái Tông đã trực tiếp cùng triều đình và quân dân tổ chức kháng chiến. Nhà vua chủ động chuẩn bị lực lượng, trực tiếp chỉ huy quân đội và biết rút lui chiến lược để bảo toàn lực lượng trước khi phản công. Những hành động ấy thể hiện sự kết hợp giữa lòng dũng cảm, tinh thần trách nhiệm và trí tuệ của người lãnh đạo.

Việc chống ngoại xâm không đối lập với tinh thần từ bi của Phật giáo. Từ bi không có nghĩa là thụ động trước bạo lực hoặc để mặc nhân dân bị xâm hại. Khi đất nước bị xâm lược, việc tổ chức chiến đấu để bảo vệ sinh mạng, tài sản, nền độc lập và cuộc sống bình yên của nhân dân là trách nhiệm cần thiết. Mục đích của cuộc kháng chiến không phải là thỏa mãn lòng hiếu chiến mà là ngăn chặn xâm lược và khôi phục hòa bình.

Sau chiến thắng, việc nhân dân được trở lại cuộc sống bình thường cho thấy mục tiêu cuối cùng của cuộc kháng chiến là bảo vệ và khôi phục đời sống của cộng đồng. Điều này thể hiện rõ tư tưởng lấy tâm của thiên hạ làm tâm mình. Giá trị của chiến thắng không chỉ nằm ở việc đánh bại quân xâm lược mà còn ở việc tạo điều kiện để “trăm họ yên nghiệp như cũ”.

Tinh thần khoan dung và ý thức chịu trách nhiệm của Trần Thái Tông còn được thể hiện qua cách xử lý trường hợp Hoàng Cự Đà. Nhà vua không chỉ nhìn vào lỗi của người thuộc cấp mà còn nhận ra phần trách nhiệm của chính mình. Thay vì áp dụng hình phạt cao nhất, ông tạo cơ hội để người phạm lỗi lập công chuộc tội. Cách xử lý này thể hiện sự kết hợp giữa kỷ cương với lòng nhân hậu, giữa từ bi với trí tuệ và giữa trách nhiệm cá nhân với khả năng chuyển hóa con người.

Việc Trần Thái Tông truyền ngôi cho Trần Thánh Tông sau khi đất nước được ổn định cũng cho thấy ông không tuyệt đối hóa ngai vàng. Tuy nhiên, nhà vua không hoàn toàn rút khỏi trách nhiệm chính trị mà tiếp tục giữ vai trò Thái thượng hoàng, hỗ trợ người kế vị và góp phần duy trì sự ổn định của đất nước. Quyền lực trong trường hợp này được xem là phương tiện phục vụ quốc gia, không phải mục đích cuối cùng

của cá nhân.

Trong lĩnh vực Phật giáo, Trần Thái Tông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, tiêu biểu là *Khóa Hư Lục*. Các tác phẩm của ông đề cập đến vô thường, sám hối, giới, định, tuệ, bản tâm và con đường chuyển hóa khổ đau. Những nội dung ấy không chỉ được hình thành từ việc nghiên cứu kinh điển mà còn được chất lọc từ những trải nghiệm thực tế của một con người từng sống giữa quyền lực, biến động gia đình, chiến tranh và trách nhiệm quốc gia.

Qua đó, Trần Thái Tông đã góp phần đặt nền móng tư tưởng cho tinh thần Phật giáo nhập thế thời Trần và cho sự phát triển của Thiền phái Trúc Lâm về sau. Ông chưa phải là người chính thức sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, nhưng quan niệm kết hợp giữa tu hành và trách nhiệm xã hội, giữa đời sống tâm linh và vận mệnh dân tộc đã chuẩn bị những tiền đề quan trọng cho sự hình thành của dòng thiền này.

Từ kết quả nghiên cứu của ba chương, có thể khẳng định rằng lời khuyên của Quốc sư Phù Vân không chỉ giúp Trần Thái Tông vượt qua một cuộc khủng hoảng cá nhân. Lời khuyên còn xây dựng một nguyên tắc đạo đức dành cho người lãnh đạo: phải biết đặt lợi ích của nhân dân và quốc gia lên trên lợi ích riêng, xem quyền lực là trách nhiệm và lấy việc phụng sự cộng đồng làm mục tiêu hành động.

Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông cho thấy phụng sự Đạo pháp và phụng sự Dân tộc không phải là hai nhiệm vụ tách biệt. Đạo pháp cung cấp nền tảng đạo đức, từ bi, vô ngã và trí tuệ cho người lãnh đạo. Ngược lại, một đất nước độc lập, hòa bình và ổn định là điều kiện để Phật giáo được tồn tại, phát triển và đóng góp cho đời sống con người.

Phụng sự Dân tộc, trong trường hợp của Trần Thái Tông, chính là thực hành lòng từ bi trên phạm vi rộng lớn. Việc chăm lo cho nhân dân, bảo vệ đất nước, duy trì hòa bình và xây dựng nền tảng đạo đức xã hội đều là những cách làm giảm bớt khổ đau cho cộng đồng. Phụng sự Đạo pháp không chỉ là xây dựng chùa tháp, nghiên cứu kinh điển hoặc thực hiện nghi lễ, mà còn là vận dụng giáo lý vào đời sống, chuyển hóa bản thân và đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

Tư tưởng của Trần Thái Tông vẫn còn ý nghĩa đối với hiện nay. Đối với người lãnh đạo, lời khuyên của Quốc sư Phù Vân nhắc nhở rằng quyền lực phải gắn liền với trách nhiệm, sự lắng nghe, khả năng phản tỉnh và lợi ích của nhân dân. Người lãnh đạo cần biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm, đồng thời phải có lòng từ bi và trí tuệ để đưa ra những quyết định phù hợp.

Đối với Tăng Ni và Phật tử, cuộc đời Trần Thái Tông cho thấy tu hành không thể chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm sự an lạc cho bản thân. Người học Phật cần đưa giáo lý vào cuộc sống, thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, xã hội và đất nước. Tinh thần nhập thế không có nghĩa là chạy theo danh lợi, mà là sống giữa cuộc đời với tâm tỉnh thức, biết sử dụng khả năng và điều kiện của mình để giúp đỡ người khác.

Đối với thế hệ trẻ, tư tưởng phụng sự Đạo pháp – Dân tộc nhắc nhở mỗi người cần kết hợp giữa việc hoàn thiện bản thân với trách nhiệm cộng đồng. Học tập, tu dưỡng và phát triển năng lực không chỉ nhằm đạt được lợi ích cá nhân mà còn phải hướng đến những giá trị tốt đẹp cho xã hội và đất nước.

Tóm lại, lời khuyên “lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” đã trở thành định hướng quan trọng trong cuộc đời Trần Thái Tông. Từ một vị vua tìm cách rời bỏ ngai vàng để giải thoát khỏi đau khổ cá nhân, ông đã trở về, gánh vác việc nước, bảo vệ nhân dân, xây dựng đất nước và đồng thời kiên trì nghiên cứu Phật pháp.

Trần Thái Tông là hình ảnh tiêu biểu của một vị vua – thiền gia biết kết hợp tương đối hài hòa giữa Đạo và Đời, giữa tu dưỡng nội tâm và trách nhiệm xã hội. Tư tưởng và hành động của ông đã góp phần làm sáng rõ truyền thống Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc: lấy sự bình an của nhân dân làm mục tiêu, lấy việc phụng sự đất nước làm phương tiện hành đạo và lấy từ bi, vô ngã, trí tuệ làm nền tảng cho việc sử dụng quyền lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO SỬ DỤNG TRONG CHƯƠNG 1,2 VÀ 3

1. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, Bản kỷ toàn thư, quyển V, Kỷ Trần Thái Tông, tr. 170, 173–175.
2. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Nxb. Văn học, Hà Nội, Chương IX: “Nền tảng của Phật giáo đời Trần – Thiền phái Yên Tử”, tr. 254–270; Chương X: “Trần Thái Tông (1218–1277)”, tr. 275–315.
3. Thích Thanh Từ (1996), *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, tr. 13–19, 34–35.
4. Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, in trong Thích Thanh Từ (1996), *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, tr. 13–19.
5. Trần Thái Tông, *Khóa Hư Lục*, phần *Thiền Tông Chỉ Nam Tự*, bản dịch tiếng

Viết mà người viết sử dụng.

6. Trần Thái Tông, *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi*, in trong các ấn bản hoặc tuyển tập về *Khóa Hư Lục*.
7. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, phần nghiên cứu về Phật giáo thời Lý – Trần và Trần Thái Tông.
8. Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, phần giảng về *Thiền Tông Chỉ Nam Tự*.
9. Lê Mạnh Thát, các công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam và tư tưởng Phật giáo thời Trần.
10. Viện Sử học, *Đại Việt sử ký toàn thư*, phần bản kỷ về vua Trần Thái Tông.
11. Tư liệu và bản thảo liên quan đến Trần Thái Tông, *Khóa Hư Lục* và lời khuyên của Quốc sư Phù Vân do người viết tập hợp.
12. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 170, 173–175.
13. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Chương X: “Trần Thái Tông (1218–1277)” và Chương XVI: “Tổng luận về Phật giáo đời Trần”.
14. Thích Thanh Từ (1996), *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, tr. 18, 34–35.
15. Trần Thái Tông, “Tựa Thiền Tông Chỉ Nam”, in trong Thích Thanh Từ, *Khóa Hư Lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, 1996, tr. 18.